

BAC A BANK 

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN	1
1.1. Thông tin chung về BAC A BANK.....	1
1.2. Quá trình hình thành - phát triển.....	2
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
1.4. Mô hình tổ chức quản lý.....	6
1.5. Định hướng phát triển.....	7
1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.....	8
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019	10
2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2019.....	10
2.2. Tổ chức và nhân sự.....	12
2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	17
2.4. Tình hình tài chính	19
2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu.....	19
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	20
3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	21
3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh.....	21
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật	24
3.3. Kế hoạch phát triển.....	26
4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK.....	27
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	29
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	29
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	31

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**
- Tên tiếng Anh: **BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- Tên viết tắt: **BAC A BANK**
- Mã cổ phiếu: **BAB**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: **2900325526 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp**
- Vốn điều lệ: **6.500.000.000.000 VND (Sáu nghìn năm trăm tỷ đồng)**
- Giấy phép thành lập: **004924 GP/TLDN-03**
- Địa chỉ: **Số 117 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An**
- Số điện thoại: **(84-238) 3844277**
- Số fax: **(84-238) 3841757**
- Website: **<http://www.baca-bank.vn>**

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn**

Ngân hàng Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một Ngân hàng giữ tâm sáng như sao, tạo ra một thể hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và an sinh xã hội như nông lâm ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục..... Với tư duy vượt trội, tinh tiên phong, chuyên nghiệp, cải tiến không ngừng, vì hạnh phúc đích thực của mỗi con người quyết tâm làm giàu chính đáng mang lại giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ảm no hạnh phúc cho cộng đồng.

Trong giai đoạn tới đây, BAC A BANK sẽ là một ngân hàng đa năng, bên cạnh nghiệp vụ tư vấn đầu tư mang lại những thành công nổi bật - làm nên một con đường khác biệt hướng tới sự phát triển bền vững. BAC A BANK cũng sẽ tập trung nguồn lực phát triển các dịch vụ tài chính - ngân hàng, xây dựng danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt và hấp dẫn. Điều này xuất phát từ triết lý kinh doanh: "Đặt lợi ích riêng của mình nằm trong lợi ích chung của quốc gia, không tìm mọi cách tối đa hoá lợi nhuận, mà luôn tìm cách hài hoà giữa các lợi ích để tất cả đều có một tương lai bền vững và cuộc sống hạnh phúc hơn".

- **Sứ mệnh**

Ngân hàng Bắc Á tư vấn và phục vụ cho một thể hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cộng đồng và thân thiện với môi trường.

- **Giá trị cốt lõi**

- Tiên phong
- Chuyên nghiệp
- Đáng tin cậy
- Cải tiến không ngừng
- Vì hạnh phúc đích thực

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

Ngân hàng TMCP Bắc Á được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với số vốn ban đầu chỉ có 20 tỷ đồng với 1 điểm giao dịch duy nhất đồng thời là trụ sở chính và 8 thành viên đầu tiên; trải qua hơn 25 năm Ngân hàng đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành tựu và những dấu son đáng nhớ.

Năm 1995 đánh dấu mốc khởi đầu cho sự mở rộng về mạng lưới hoạt động của BAC A BANK với chi nhánh đầu tiên được khai trương: Chi nhánh Hà Nội.

Năm 2004, BAC A BANK chính thức có mặt tại khu vực kinh tế trọng điểm miền Nam, đánh dấu bởi lễ khai trương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi mô hình từ phi tập trung, phân tán sang mô hình tập trung; đồng thời phân tách công việc, nhiệm vụ theo từng Khối/Ban/Phòng chức năng chuyên trách nhằm chuyên môn hóa nghiệp vụ để hướng tới mô hình tổ chức của một ngân hàng hiện đại.

Năm 2009 - 2010, Ngân hàng trang bị hệ thống giải pháp ngân hàng lõi (Core Banking), thiết lập nền tảng công nghệ mạnh mẽ để BAC A BANK tạo ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ trong nước.

Ngày 21/12/2011 BAC A BANK ghi dấu ấn quan trọng khi chính thức công bố sự kiện ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới: Biểu trưng mang hình ảnh hoa sen cách điệu, tượng trưng cho tâm sáng, cho trí tuệ, cho triết lý nhân sinh, sự tận tụy, khát khao vươn lên và lạc quan về tương lai tươi sáng.

Năm 2012, Dự án sữa TH true MILK do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã thành công khi chính thức ra mắt thị trường và đặt nền móng cho ngành công nghiệp sữa tươi sạch Việt Nam.

Năm 2014, nhân lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, BAC A BANK vinh dự được nhận cờ thi đua của Chính phủ trao tặng, cá nhân bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng ba.

Năm 2015, BAC A BANK cơ bản hoàn thành kế hoạch hoạt động 5 năm (2011 - 2015) và đạt nhiều kết quả tích cực. BAC A BANK đã vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu trong phát triển bền vững vì cộng đồng năm 2015" vì những hoạt động xuất sắc và nỗ lực không ngừng trong hoạt động tư vấn đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, mang lại giá trị cốt lõi cho toàn xã hội, vì sức khỏe cộng đồng, giải thưởng do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG trao tặng, dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.

Năm 2016, BAC A BANK chính thức hoàn thành việc tăng Vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới với 97 điểm giao dịch trên 18 tỉnh thành phố khắp cả nước. Cũng trong năm 2016, BAC A BANK lần thứ 2 nhận giải thưởng "Ngân hàng Vì Cộng Đồng" và giải thưởng "Sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu 2016" do Tổ chức dữ liệu quốc tế IDG trao tặng; giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu Trách nhiệm xã hội Việt Nam 2016" do Tạp chí International Finance Magazine (IFM) thuộc Tập đoàn truyền thông quốc tế nổi tiếng Thomson Reuters trao tặng. Tổng Giám đốc - Bà Thái Hương lần thứ 2 được vinh danh trong Top 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất châu Á do Tạp chí Forbes uy tín bình chọn.

Năm 2017, cổ phiếu của BAC A BANK với mã BAB chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom vào ngày 28/12/2017. Trong năm, BAC A BANK vinh dự được nhận giải "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam" do Hiệp hội Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tổ chức và 02 giải thưởng "Vì Cộng đồng", "Ngân hàng tiêu biểu tư vấn đầu tư nông nghiệp công nghệ cao 2017" do Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng. Cũng trong năm 2017, Bà Tổng Giám đốc Thái Hương được tạp chí IFM trao tặng giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm".

Năm 2018, BAC A BANK hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 5.500 tỷ đồng. Đây là sự đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của BAC A BANK thể hiện quyết tâm đưa Ngân hàng trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu với định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững. Trong năm 2018, BAC A BANK vinh dự đạt 2 giải thưởng "Ngân hàng hỗ trợ tư vấn đầu tư công nghệ cao cho nông nghiệp sạch 2018" và "Ngân hàng có sản phẩm, dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm 2018" thuộc hệ thống giải thưởng uy tín "Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2018" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG trao tặng. Tại Lễ trao giải Ngân hàng tiêu biểu khu vực châu Á – Thái Bình Dương năm 2018 của Tạp chí IFM, BAC A BANK được vinh danh với hai giải thưởng "Ngân hàng Việt Nam tiên phong tư vấn đầu tư các dự án nông nghiệp sạch ở nước ngoài" và Tổng Giám đốc BAC A BANK – Bà Thái Hương năm thứ hai liên tiếp vinh dự nhận giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm". Cũng trong năm 2018, Bà Thái Hương đã đoạt giải Vàng hạng mục Doanh nhân xuất sắc của năm với Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế 2018 (International Business Awards - IBA Stevie Awards).

Năm 2019, nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập, BAC A BANK đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, cờ thi đua xuất sắc và bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An và bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, trong năm 2019, BAC A BANK cũng đã giành giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh" trong khuôn khổ "Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2019 - Vietnam Outstanding Banking Awards 2019" (VOBA) do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp tổ chức. Trong năm, lãnh đạo BAC A BANK tiếp tục được vinh danh và trao tặng các giải thưởng uy tín. Tại Diễn đàn Tri thức Thế giới - World Knowledge Forum 2019 diễn ra ở Seoul (Hàn Quốc), bà Thái Hương - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được tôn vinh với Giải thưởng Nữ doanh nhân Quyền lực, trao tặng riêng cho doanh nhân đạt nhiều thành tích trong kinh doanh và là hình mẫu để truyền cảm hứng và động lực tới thế hệ phụ nữ trẻ trong cộng đồng ASEAN.

Với những đóng góp nổi bật cho kinh tế - xã hội đất nước trong suốt quá trình hoạt động, BAC A BANK đã nhiều lần vinh dự được nhận Bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An và các đoàn thể khác trao tặng, các giải thưởng uy tín khác như giải thưởng "Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ xuất sắc" do Bộ công thương trao tặng, "Top 100 sản phẩm tin và dùng", "Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam", "Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam", "Top 200 Sao vàng Đất Việt", "Top 10 Doanh nghiệp vì người lao động".

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Tài chính - Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Bắc Á cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

- Tư vấn đầu tư**

Kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính – ngân hàng đa dạng, BAC A BANK đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư với các dự án mang tính an sinh xã hội cao.

Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống như chế biến thực phẩm sạch hay các bệnh viện và trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam, đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp Ngân hàng gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK tại ngày 31/12/2019 có 136 điểm giao dịch đang hoạt động phân bố tại 31 tỉnh thành trên cả nước trải dài từ Bắc đến Nam.

STT	Tỉnh/Thành phố	Hội sở	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tổng
1	Hà Nội		9	36	45
2	Hưng Yên		1	3	4
3	Hải Phòng		1	3	4
4	Quảng Ninh		1	2	3
5	Bắc Giang		1	1	2
6	Thái Nguyên		1	2	3
7	Vĩnh Phúc		1	3	4
8	Hà Nam		1	1	2
9	Ninh Bình		1		1
10	Thanh Hóa		1	4	5
11	Nghệ An	1	1	11	13
12	Hà Tĩnh		1	3	4
13	Quảng Bình		1	2	3
14	Huế		1	1	2
15	Đà Nẵng		1	3	4
16	HCM		2	15	17
17	Bình Dương		1		1
18	Cần Thơ		1	2	3
19	Kiên Giang		1	2	3
20	Lâm Đồng		1	1	2

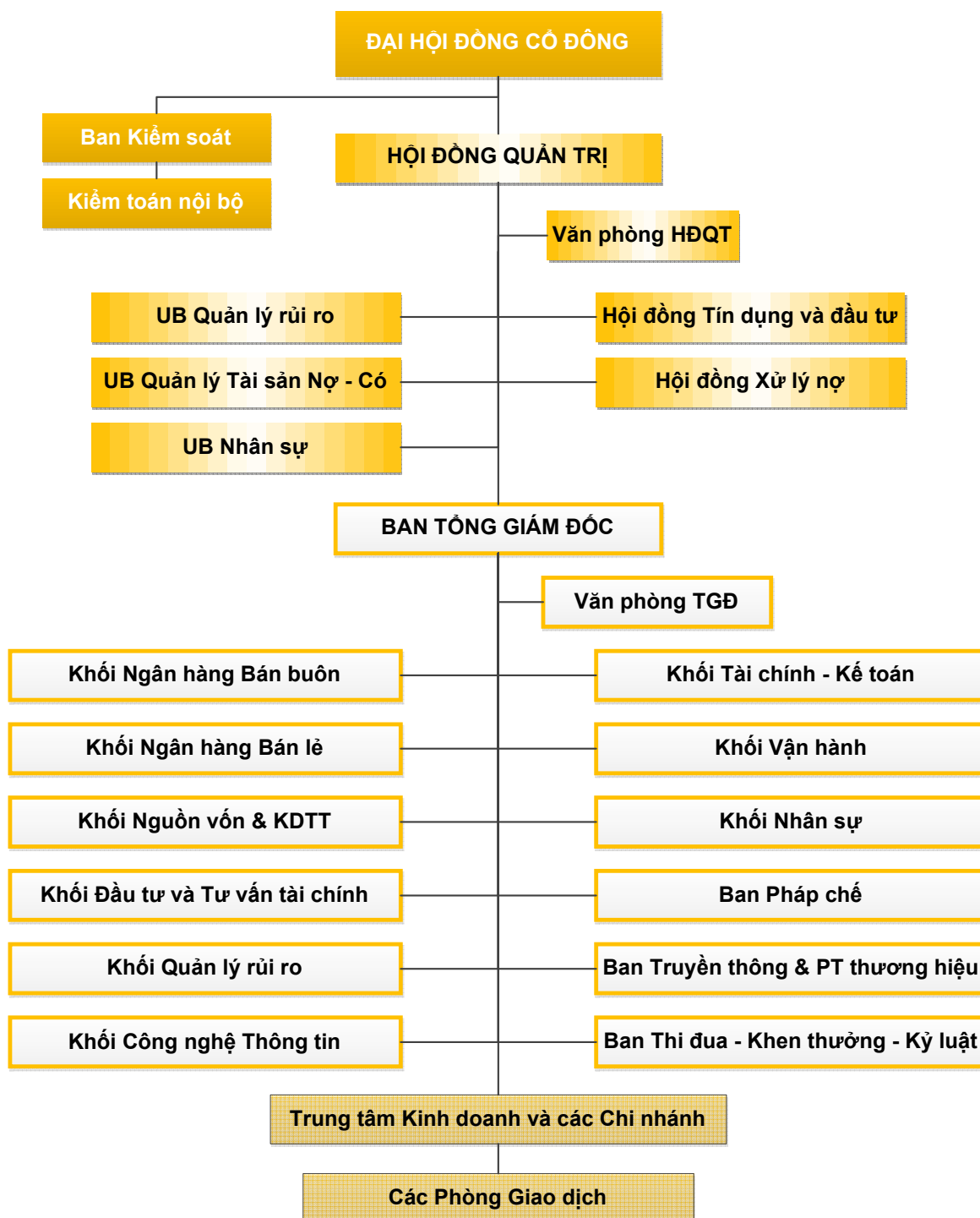
21	Bà Rịa Vũng Tàu		1		1
22	Phú Yên		1		1
23	Khánh Hòa		1		1
24	Thái Bình		1		1
25	Đắk Lắk		1		1
26	Lào Cai		1		1
27	Đồng Nai		1		1
28	Lạng Sơn		1		1
29	Long An		1		1
30	Bình Định		1		1
31	Hà Giang		1		1
	Tổng	1	40	95	136

Trong năm 2019, BAC A BANK mở thêm 04 Chi nhánh mới tại địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Long An, Bình Định và Hà Giang. Đồng thời, Ngân hàng cũng thực hiện khai trương thêm 05 Phòng giao dịch tại địa bàn các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nam và Lâm Đồng.

Tại thời điểm 31/12/2019, BAC A BANK còn 01 Phòng Giao dịch đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép nhưng chưa đi vào hoạt động là PGD Việt Yên tại tỉnh Bắc Giang. Ngày 09/01/2020, PGD Việt Yên đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 137 điểm.

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý



Cơ cấu bộ máy quản lý của BAC A BANK bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại Hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của BAC A BANK, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ BAC A BANK quy định. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị với chức năng là cơ quan quản trị giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông của BAC A BANK có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của BAC A BANK trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Tổng Giám đốc với chức năng là cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai chiến lược hoạt động của Ngân hàng.

Các hội đồng, ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có: Ủy ban nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban ALCO, Hội đồng Xử lý nợ, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư. Bộ máy điều hành của BAC A BANK bao gồm các Đơn vị tại Hội sở, các Chi nhánh và Phòng giao dịch. Các đơn vị Hội sở gồm 12 Khối/Ban, 01 Trung tâm kinh doanh và 01 Văn phòng trực thuộc Tổng Giám đốc.

1.4.2. Công ty con

Tính đến hết năm 2019, Ngân hàng có hai (02) công ty con do BAC A BANK sở hữu 100% vốn là:

- **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 67 phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0104507588 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/03/2010.
 - Vốn chủ sở hữu theo Giấy phép đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.
- **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 9 phố Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107983828 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2017.
 - Vốn chủ sở hữu theo Giấy phép đăng ký kinh doanh: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả; phấn đấu trở thành ngân hàng đa năng, theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và cho vay các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền

tăng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phần đầu. Xây dựng đề án phát triển và tầm nhìn trung - dài hạn; trong đó yêu cầu có những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á ưu tiên nguồn vốn cho vay và tư vấn đầu tư vào các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục, và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã hội... Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, các hoạt động từ thiện xã hội cũng được quan tâm và triển khai thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của BAC A BANK nhằm chung tay sẻ chia với cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội và theo đuổi mục tiêu nâng cao trí lực Việt Nam thông qua việc đồng hành cùng Quỹ Vì Tầm vóc Việt.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

BAC A BANK đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trước hết là xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng, tiếp theo là chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng luôn đề cao việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích.

Ngân hàng đa dạng hóa chế độ cho vay theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro và nhất quán thực hiện tăng trưởng tín dụng theo định hướng đã đề ra là ưu tiên nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Để phòng ngừa rủi ro, Ngân hàng cũng tính toán để trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định hiện hành.

1.6.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, điều

BAC A BANK đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất để định kỳ lập các báo cáo về thị trường, đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường. Theo đó, Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay, chủ động áp dụng

này dẫn đến khả năng giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính.

chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ.

Ngân hàng tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động.

Một chiến lược khác của Ngân hàng là phát triển các dịch vụ tiện ích để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.6.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục Tài sản Nợ và Tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng.

BAC A BANK được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ.

Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống về Hội sở chính. Các Chi nhánh đều được đặt hạn mức giao dịch trong ngày và không có trạng thái ngoại hối vào cuối ngày. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống đều được cân bằng kịp thời.

1.6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nguồn vốn tập trung tại Hội sở chính nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Ngân hàng dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ cũng được Ngân hàng đặc biệt coi trọng nhằm có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2019

2.1.1 Môi trường kinh doanh

- **Tình hình kinh tế thế giới:**

Tình hình kinh tế và chính trị thế giới năm 2019 có nhiều biến động phức tạp. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và xung đột thương mại giữa nhiều nước gây ra những tác động sâu rộng và nhiều chiều đến kinh tế thế giới. Chủ nghĩa bảo hộ leo thang, tiến trình Brexit bế tắc. Căng thẳng địa chính trị tiếp diễn tại nhiều khu vực trong đó nổi bật là khu vực Trung Đông, với tâm điểm là quan hệ Mỹ - Iran, khu vực biển Đông, quan hệ Mỹ - Triều Tiên,...

Mặc dù Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu tăng trưởng trong nửa đầu năm 2019, do xu hướng bất ngờ tăng giá ở một số nền kinh tế tiên tiến và hoạt động mạnh mẽ trong khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, song sự phục hồi khiêm tốn này chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

Việc tái diễn căng thẳng kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc đã làm giảm niềm tin kinh doanh vốn mong manh, làm tổn hại đến triển vọng đầu tư, sản xuất và hoạt động thương mại toàn cầu.

Do tác động của các yếu tố căng thẳng thương mại và biến động địa chính trị, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới giảm xuống còn 3,07% - mức thấp nhất kể từ thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu và thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3,83% trong giai đoạn 2010-2018.

- **Tình hình kinh tế Việt Nam:**

Năm 2019, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm trước, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch.

GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra, đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua. CPI bình quân năm 2019 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu như: Giá điện sinh hoạt điều chỉnh tăng; Các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh; Học phí tăng theo lộ trình; Tăng giá sách giáo khoa và một số yếu tố về thị trường khác.

Cán cân thương mại của Việt Nam năm 2019 ước tính xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,9 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 35,8 tỷ USD.

Về thị trường tài chính tiền tệ, tính đến cuối năm 2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,1% so với cuối năm 2018; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,5%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tăng 12,1%. Lãi suất trên thị trường tiền gửi và cho vay với khách hàng năm 2019 có xu hướng giảm nhẹ đối với kỳ hạn ngắn. Trong năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,3%-5,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; mức 5,3%-7,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của BAC A BANK

Năm 2019 tiếp tục là một năm nền kinh tế có mức tăng trưởng tốt, là năm thứ 2 liên tiếp mức tăng trưởng kinh tế cao trên 7%/năm. Trong xu thế đó, BAC A BANK cũng đạt nhiều kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh. Căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, Ngân hàng đã hoàn thành ở mức cao và vượt kế hoạch đối với tất cả các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2019. Cụ thể như sau:

Tổng tài sản

107.890 tỷ đồng

Tăng 11,19% so với năm 2018

Tổng tài sản của BAC A BANK tăng trưởng liên tục trong các năm gần đây. Tổng tài sản của Ngân hàng từ năm 2015 đến 2019 đạt mức tăng trưởng bình quân là 13,68%/năm. Năm 2019, Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 107.890 tỷ đồng, tăng 11,19% so với năm 2018, hoàn thành 98,69% kế hoạch đề ra.

Tổng dư nợ cho vay khách hàng

72.933 tỷ đồng

Tăng 14,00% so với năm 2018

Ngân hàng luôn nhất quán với định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các ngành và lĩnh vực thuộc 3 khâu đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020, đó là nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Từ năm 2015 đến nay, mức tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng đạt mức bình quân là 14,89%/năm. Tổng dư nợ cho vay khách hàng năm 2019 đạt 72.933 tỷ đồng, tăng 14,00% so với năm 2018 và hoàn thành 98,80% kế hoạch đề ra. Tỷ lệ tăng trưởng này vẫn nằm trong mức giới hạn tăng trưởng tín dụng cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

Tổng huy động vốn

97.158 tỷ đồng

Tăng 11,17% so với năm 2018

- Huy động vốn TT1 là 82.298 tỷ đồng

- Huy động vốn TT2 là 14.860 tỷ đồng

Tổng huy động vốn tăng trưởng liên tục trong suốt những năm gần đây với mức tăng trưởng bền vững, trung bình tăng 13,55%/năm từ năm 2015 đến nay. Để đạt được kết quả đó, công tác thương hiệu đóng vai trò quan trọng, hệ thống nhận diện thương hiệu mang tính chuyên nghiệp cùng với công tác chăm sóc khách hàng được nâng cao, dịch vụ tiện ích mới ngày càng phát triển đã tác động không nhỏ đến công tác huy động vốn của Ngân hàng.

Năm 2019, huy động vốn thị trường 1 tăng 8.430 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 11,41% so với năm 2018, đạt 82.298 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,71% tổng huy động vốn. Huy động vốn thị trường 2 của Ngân hàng đến cuối năm 2019 là 14.860 tỷ đồng, chỉ chiếm 15,29% tổng huy động vốn.

Lợi nhuận sau thuế

749 tỷ đồng

Tăng 10,64% so với năm 2018

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng liên tục từ năm 2012 đến nay. Năm 2019, lợi nhuận sau thuế của BAC A BANK đạt mức cao nhất từ trước đến nay đạt 749 tỷ đồng, tăng 10,64% so với năm 2018, hoàn thành vượt kế hoạch đã đặt ra từ đầu năm.

Mạng lưới

136 điểm giao dịch đang hoạt động

Mạng lưới giao dịch tiếp tục được mở rộng trên phạm vi cả nước. Trong năm 2019, Ngân hàng đã khai trương chi nhánh mới tại các tỉnh Lạng Sơn, Hà Giang, Bình Định, Long An và mở thêm các PGD tại các huyện trực thuộc tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nam và Lâm Đồng. Ngày 09/01/2020, Phòng giao dịch Việt Yên đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 137 điểm.

Dự kiến trong năm 2020, BAC A BANK sẽ tiếp tục mở thêm 05 Chi nhánh tại các địa bàn TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định.

Nhân sự: **2.195** người

Số lượng nhân viên tại thời điểm 31/12/2019 là 2.195 người, tăng 7,49% so với cuối năm 2018.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng tại ngày 31/12/2019

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (31/12/2019)
I. Thành viên Hội đồng Quản trị			
1	Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch HĐQT	3,18%
2	Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4,30%
3	Ông Võ Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,07%
4	Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên HĐQT	0,28%
5	Ông Nguyễn Hữu Phàng	Thành viên HĐQT độc lập	-
II. Ban Điều hành			
1	Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	4,30%
2	Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-
3	Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	3,79%
4	Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	0,18%
5	Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	-
6	Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	0,07%
7	Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	-
8	Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	-
9	Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	0,16%
10	Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc	-
III. Thành viên Ban Kiểm soát			
1	Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát	0,19%
2	Ông Thái Đình Long	Thành viên Ban Kiểm soát	-
3	Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên Ban Kiểm soát	0,32%
IV. Kế toán trưởng			
1	Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	-

❖ **Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Thoàng

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1990
- ✓ Từ năm 2000 đến nay

Cán bộ Ban tài chính vật giá thị xã Cẩm Phả
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Bà Thái Hương

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1982 đến 1985
- ✓ Từ năm 1985 đến 1989
- ✓ Từ năm 1989 đến 1994
- ✓ Từ năm 1994 đến nay

Cán bộ Ban vật giá tài chính Hải Phòng
 Cán bộ kế toán Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ An
 Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hương Hà
 Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
 Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Võ Văn Quang

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1986
- ✓ Từ năm 1986 đến 1992
- ✓ Từ năm 1993 đến 1997
- ✓ Từ năm 1997 đến 2009
- ✓ Từ năm 2009 đến nay

Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 02 – Sở Xây Dựng Nghệ An
 Cán bộ/Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Nghệ An
 Cán bộ/Phó Phòng thanh tra các Ngân hàng TMCP Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 Chánh văn phòng Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
 Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGĐ Ngân hàng TMCP Bắc Á
 Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Đặng Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1997 đến 2003
- ✓ Từ năm 2003 đến 2006
- ✓ Từ năm 2006 đến nay

Trưởng Phòng Tín dụng – Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á
 Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa – Ngân hàng TMCP Bắc Á
 Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt
 Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Nguyễn Hữu Phàng

Trình độ chuyên môn

Gao cấp lý luận Chính trị

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1980 đến 1986
- ✓ Từ năm 1986 đến 1989

Giảng viên Học viện Ngân hàng phân viện Phú Yên
 Giảng viên Trường nghiệp vụ ngân hàng tỉnh Nghệ An

<ul style="list-style-type: none"> ✓ Từ năm 1989 đến 1998 ✓ Từ năm 1998 đến 2001 ✓ Từ năm 2001 đến 2012 ✓ Từ năm 2012 đến 2019 ✓ Từ năm 2019 đến nay <p>Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK</p>	<p>Phòng Tiền tệ, kho quỹ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Nghệ An (qua các vị trí Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng)</p> <p>Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Nghệ An</p> <p>Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Nghệ An</p> <p>Nghỉ hưu</p> <p>Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bắc Á</p> <p>Thành viên HĐQT độc lập</p>
--	--

❖ **Ban Kiểm soát**

Ông Phạm Hồng Công

<p>Trình độ chuyên môn</p> <p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Từ năm 1984 đến 1991 ✓ Từ năm 1992 đến 1994 ✓ Từ năm 1994 đến nay <p>Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK</p>	<p>Cử nhân kinh tế</p> <p>Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Vật liệu xây dựng Vinh</p> <p>Kế toán trưởng Tổng đội Thanh niên xây dựng kinh tế Vinh</p> <p>Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á</p> <p>Trưởng Ban Kiểm soát</p>
---	--

Bà Trương Thị Kim Thư

<p>Trình độ chuyên môn</p> <p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Từ năm 1994 đến 1998 ✓ Từ năm 1999 đến 2009 ✓ Từ năm 2010 đến nay ✓ Từ năm 2011 đến nay <p>Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK</p>	<p>Cử nhân Kinh tế</p> <p>Kế toán tổng hợp Ngân hàng TMCP Bắc Á</p> <p>Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á</p> <p>Cán bộ Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách</p>
--	---

Ông Thái Đình Long

<p>Trình độ chuyên môn</p> <p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Từ năm 2002 đến 2008 ✓ Từ năm 2008 đến nay <p>Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK</p>	<p>Cử nhân kinh tế</p> <p>Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát</p>
---	--

❖ **Ban Điều hành**

Bà Thái Hương – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Ông Đặng Trung Dũng

<p>Trình độ chuyên môn</p> <p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Từ năm 1995 đến năm 1996 ✓ Từ năm 1996 đến năm 2000 ✓ Từ năm 2001 đến năm 2004 	<p>Thạc sỹ kinh tế</p> <p>Kế toán tổng hợp, Phó Giám đốc Tài chính Công ty VIFOCO tại Hà Nội</p> <p>Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng VIB</p> <p>Trưởng Phòng Tín dụng, BAC A BANK</p>
---	--

✓ Từ năm 2004 đến năm 2006	Phó Giám đốc phụ trách BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2006 đến năm 2016	Phó Tổng Giám đốc thường trực, SHB Bank
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Chu Nguyên Bình

Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2001 đến năm 2002	Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán KPMG
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Trưởng phòng Kiểm toán và tư vấn, Công ty Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn Việt Nam (AACC)
✓ Từ năm 2003 đến năm 2006	Chuyên viên Kinh doanh Vốn và Ngoại tệ, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2006 đến năm 2008	Giám đốc Nguồn vốn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2008 đến năm 2015	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Ngoại tệ, BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Ông Nguyễn Trọng Trung

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1986 đến năm 1989	Kế toán – Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh – Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1989 đến năm 1994	Kế toán Tổng hợp – Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh – Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1994 đến năm 2003	Kế toán Tổng hợp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2003 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, BAC A BANK.
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Lợi

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1994 đến năm 1997	Nhân viên Ngân hàng Công thương
✓ Từ năm 1997 đến năm 2008	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Trung ương (qua các vị trí nhân viên, phó phòng, trưởng phòng)
✓ Từ năm 2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

Ông Nguyễn Việt Hanh

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Chuyên viên nguồn vốn, Vietcombank Hội sở chính
✓ Từ năm 2006 đến năm 2006	Phó phòng Nguồn vốn, BAC A BANK, Hội sở chính
✓ Từ năm 2006 đến năm 2014	Giám đốc BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội

✓ Từ năm 2014 đến năm 2017	Phó TGD phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ và Khối Hỗ trợ Tác nghiệp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2017 đến nay	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành

Ông Nguyễn Ái Dân

Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Quá trình công tác	
✓ Trước 01/08/2005	Giám đốc IT VIB BANK
✓ Từ năm 2005 đến năm 2016	Trưởng ban CNTT, BAC A BANK
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối CNTT, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối CNTT

Ông Lê Ngọc Hồng Nhật

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1998 đến năm 2002	Chuyên viên Tín dụng, Thẩm định, Nguồn vốn BIDV CN Hà Tĩnh.
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Phó phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Trưởng phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2005 đến năm 2008	Trưởng phòng Tài chính BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2008 đến năm 2009	PGĐ Sở giao dịch BAC A BANK
✓ Từ năm 2009 đến năm 2015	Giám đốc Khối Tài chính BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính – kế toán, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính – kế toán

Ông Nguyễn Quốc Đạt

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1999 đến năm 2005	Ngân hàng Công thương Việt Nam
✓ Từ năm 2005 đến năm 2008	Ngân hàng Mizuho Corporate - Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2008 đến năm 2015	Giám đốc BAC A BANK CN Kim Liên
✓ Từ năm 2015 đến năm 2015	Phó TGD Phụ trách miền Nam, BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó TGD kiêm GD CN Hồ Chí Minh, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó TGD kiêm GD CN Hồ Chí Minh

Ông Võ Văn Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Bà Nguyễn Hồng Yến

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2003 đến 2007	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á – Hội sở vinh
✓ Từ năm 2007 đến 2010	Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Bắc Á – Hội sở vinh
✓ Từ năm 2010 đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Kế toán trưởng

2.2.2. Thay đổi Ban Điều hành trong năm

Trong năm 2019, Ngân hàng không có thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành.

2.2.3. Cán bộ, nhân viên

• Số lượng lao động

Tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống (bao gồm cả công ty con) đến 31/12/2019 là 2.195 người, tăng 153 người so với cuối năm 2018.

Trong năm 2019, công tác tuyển dụng tập trung vào tuyển nhân sự mới cho các Phòng giao dịch và Chi nhánh mở mới và tuyển bổ sung, thay thế các trường hợp nghỉ việc, bổ nhiệm/điều chuyển. Công tác tuyển dụng luôn đảm bảo tính minh bạch, công khai, tuân thủ quy trình.

• Đào tạo lao động

Ngân hàng luôn chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc cũng như để bắt kịp với sự phát triển của các công nghệ và ứng dụng mới trong hoạt động Ngân hàng. Tiếp bước thành công trong năm 2018, hoạt động đào tạo năm 2019 đi vào chiều sâu, quan tâm tới nhu cầu từng đối tượng học viên. Trong năm 2019, Ngân hàng đã thực hiện 25 khóa đào tạo gồm 69 lớp học với 9.299 lượt học viên tham dự. Các chương trình đào tạo chủ yếu là:

- Đào tạo cơ bản và đào tạo hội nhập cho nhân viên mới
- Đào tạo kỹ năng mềm
- Đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu
- Đào tạo cập nhật nội dung chính sách, sản phẩm mới
- Đào tạo kỹ năng lãnh đạo – quản lý
- Các chương trình đào tạo bên ngoài khác

Trong đó, Ngân hàng định hướng tập trung vào việc nâng cao năng lực dịch vụ khách hàng tại quầy, tăng cường tính chính xác và kỹ năng công việc cho từng cán bộ, nhân viên. Chương trình điển hình của năm 2019 được thực hiện ngay từ những tháng đầu tiên đó là: Kỹ thuật và phương pháp nhận biết hình dấu, chữ ký, giấy tờ giả mạo trong hoạt động ngân hàng; Hội thảo và Chương trình đào tạo Dịch vụ khách hàng từ tâm - Người làm dịch vụ xứng tầm; Pháp luật trong hợp đồng bảo đảm tiền vay...

2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

2.3.1. Tổng quan về tình hình đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính của BAC A BANK bao gồm đầu tư cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong đó, Ngân hàng chú trọng đầu tư danh mục trái phiếu Chính phủ với độ an toàn, thanh khoản cao, hạn chế đầu tư cổ phiếu nhằm hạn chế rủi ro. Tình hình đầu tư tài chính của Ngân hàng trong năm 2019 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm
1	Cổ phiếu	129	137	6,20%
2	Tín phiếu/chứng chỉ tiền gửi	1.970	3.000	52,28%
3	Trái phiếu	15.985	15.109	-5,48%
	<i>Trong đó: Trái phiếu CP</i>	<i>8.778</i>	<i>8.266</i>	<i>-5,83%</i>

	<i>Trái phiếu TCTD khác</i>	6.720	6.370	-5,21%
	<i>Trái phiếu TCKT khác</i>	487	473	-2,87%
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn	304	271	-10,86%
	Tổng đầu tư	18.388	18.517	0,70%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2019)

Tại thời điểm 31/12/2019, Tổng các khoản mục đầu tư tài chính của Ngân hàng là 18.517 tỷ đồng, tăng 0,70% so với năm 2018, chiếm tỷ trọng 17,16% trên tổng tài sản. Trong đó, đầu tư trái phiếu chiếm 81,60% tổng danh mục đầu tư, cổ phiếu chỉ chiếm 0,74% trên tổng danh mục, còn lại là tín phiếu/chứng chỉ tiền gửi và góp vốn đầu tư dài hạn lần lượt chiếm 16,20% và 1,46% tổng danh mục đầu tư.

Ngân hàng chú trọng đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD (chiếm tỷ trọng 79,04% trên tổng danh mục đầu tư) với độ an toàn cao. Đây là tài sản dự trữ thanh khoản quan trọng của Ngân hàng với mức độ sinh lời hợp lý.

Tổng các khoản góp vốn dài hạn năm 2019 là 271 tỷ đồng, chiếm 1,46% tổng khoản mục đầu tư. Đối với hoạt động góp vốn đầu tư, Ngân hàng chú trọng ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, y tế, giáo dục và an sinh xã hội, đồng thời thực hiện kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động các dự án/công ty mà Ngân hàng góp vốn, kiên quyết thoái vốn khỏi các đơn vị làm ăn không hiệu quả và các đơn vị có lĩnh vực đầu tư không thuộc lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng.

Hoạt động tư vấn đầu tư đã có thành công đối với nhiều dự án cải thiện chất lượng sống như chế biến thực phẩm sạch, sữa sạch, dược liệu sạch hay các bệnh viện, trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam. Điển hình là các dự án: Dự án TH True Milk, Dự án dược liệu TH Herbal, Dự án trường học TH School, Dự án rau quả sạch FVF... Năm 2017, một số dự án lớn do Ngân hàng tư vấn đầu tư đã được khởi công là Dự án nước tinh khiết, thảo dược và hoa quả Núi Tiên, Dự án bò sữa tại Hà Giang, Phú Yên, Dự án nhà máy chế biến hoa quả Sơn La. Năm 2018, Trang trại bò sữa đầu tiên thuộc Dự án Tổ hợp Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa công nghệ cao tại Liên bang Nga chính thức khánh thành và Nhà máy chế biến sữa thuộc Dự án này cũng được khởi công. Trong nước, sản phẩm TH True Water ra mắt tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Năm 2019, một trong những dự án trọng điểm do BAC A BANK tư vấn đầu tư là dự án Tổ hợp Y tế và Chăm sóc sức khỏe công nghệ cao TH Medical của Tập đoàn TH đã được công bố và động thổ tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm rà soát, đánh giá lại toàn bộ các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp khác. Mục tiêu của Ngân hàng là giảm dần việc góp vốn, mua cổ phần, đầu tư có hiệu quả chưa cao, cơ cấu lại các khoản góp vốn theo hướng tập trung vào các công ty, dự án có hiệu quả cao, phù hợp với định hướng khuyến khích đầu tư của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

2.3.2. Các công ty con

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Bắc Á

Hoạt động chính của Công ty là tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

Trong năm qua, hoạt động của công ty có một vài điểm nổi bật sau:

- Kết quả thu hồi nợ năm 2019 toàn Công ty là 66,48 tỷ đồng với 45 vụ việc được xử lý, giải quyết.

- Thực hiện hoàn thành 2.452 vụ việc thẩm định giá tài sản, toàn bộ các vụ việc thẩm định đều được hoàn thành trong thời hạn quy định, phần lớn đều đáp ứng được sự tin tưởng từ Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh và khách hàng.

- Trong năm 2019 Công ty quản lý tổng cộng 05 tài sản, với tổng giá trị khoảng 29 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện chuyển nhượng đối với 02 tài sản, Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tài sản trong năm của Công ty là 21,5 tỷ đồng.

❖ **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**

Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á được thành lập ngày 05 tháng 09 năm 2017. Sau thời gian 02 năm đầu tư và hoàn thiện cơ sở vật chất thì chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2019. Hơn 2 tháng hoạt động, doanh số chi trả kiều hối của Công ty đạt gần 35.000 USD. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 4.610 triệu đồng, trong đó, lợi nhuận trong năm 2019 của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động tài chính.

2.4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2019 của Ngân hàng như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Quy mô vốn			
	Vốn chủ sở hữu	7.082	7.815	10,35%
	Vốn điều lệ	5.500	6.500	18,18%
2	Chất lượng tài sản			
	Tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng	0,76%	0,69%	-0,07%
	Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay khách hàng	0,83%	0,75%	-0,08%
	Quỹ dự phòng/Nợ xấu cho vay KH	121,62%	131,00%	9,38%
3	Khả năng thanh khoản			
	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	18,32%	16,18%	-2,14%
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	73,79%	76,44%	2,65%
4	Khả năng sinh lời			
	ROA (LNST/TTTS bình quân)	0,72%	0,73%	0,01%
	ROE (LNST/VCSH bình quân)	10,07%	10,06%	-0,01%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2019)

2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

• **Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019**

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	152	650.000.000	6.500.000.000.000	100%
<i>1</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>9</i>	<i>23.968.363</i>	<i>239.683.630.000</i>	<i>3,69%</i>
<i>2</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>143</i>	<i>626.031.637</i>	<i>6.260.316.370.000</i>	<i>96,31%</i>
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	
<i>1</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>
<i>2</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng		152	650.000.000	6.500.000.000.000	100%

- **Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:**

STT	Cổ phiếu	31/12/2018	31/12/2019
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	550.000.000	650.000.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	550.000.000	650.000.000
	Cổ phiếu phổ thông	550.000.000	650.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi		
3	Số lượng cổ phiếu được mua lại		
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	550.000.000	650.000.000
	Cổ phiếu phổ thông	550.000.000	650.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi		
5	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2019)

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

2.6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BAC A BANK không tài trợ các dự án vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Đối với công tác tiền lương, Ngân hàng đã hoàn thành việc tính lương tháng, các loại lương kinh doanh, thưởng và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động đảm bảo không có sai sót và đúng thời gian quy định. Hằng năm, bộ phận lương và chế độ phúc lợi của Ngân hàng đều thực hiện khảo sát tiền lương trên toàn hệ thống.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng tổ chức cho cán bộ khám sức khỏe định kỳ hàng năm, đồng thời triển khai chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe Bảo Việt cho toàn bộ CBNV của BAC A BANK, chương trình phúc lợi này được CBNV Ngân hàng hưởng ứng đánh giá cao.

2.6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

BAC A BANK luôn cam kết hoạt động hướng tới cộng đồng, xứng đáng với những giải thưởng đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận trong những năm qua như “Ngân hàng vì cộng đồng” 3 năm liên tiếp 2015-2017 do Tổ chức Dữ liệu quốc tế IDG trao tặng và “Ngân hàng trách nhiệm xã hội tốt nhất Việt Nam 2016” do Tạp chí Tài chính Quốc tế IFM trao tặng. Năm 2019, BAC A BANK đã chi gần 7,45 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội như tài trợ giáo dục, y tế, ủng hộ người nghèo, khắc phục thiên tai, đền ơn đáp nghĩa và một số hoạt động khác.

- **Tài trợ giáo dục – y tế**

Năm 2019, ngân sách tài trợ cho giáo dục của Ngân hàng là gần 1 tỷ đồng. Trong đó, Ngân hàng đã ủng hộ số tiền 500 triệu đồng để mua sắm trang thiết bị cho Trường mầm non xã Thanh Long, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Thanh Long là một trong những xã nghèo nhất huyện Thanh Chương. Hầu hết các trường học trong xã đều trong tình trạng thiếu thốn trang thiết bị dạy học, đặc biệt là trường mầm non. Ngoài ra, bên cạnh việc đóng góp cho Quỹ học bổng Vừ A Dính 180 triệu đồng, Ngân hàng đã trao hàng trăm suất học bổng với tổng trị giá gần 200 triệu đồng cho các em học sinh nghèo vượt khó, học sinh miền núi tiêu biểu trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, Vĩnh Phúc...

Cũng trong năm 2019, Ngân hàng đã tài trợ 654 triệu đồng cho các chương trình Hiến máu nhân đạo của Hội chữ thập đỏ Việt Nam, Viện huyết học truyền máu Trung ương cũng như vận động, kêu gọi cán bộ nhân viên BAC A BANK tham gia hiến máu nhân đạo trên khắp cả nước.

- **Hoạt động đền ơn đáp nghĩa**

Năm 2019, Ngân hàng tiếp tục phụng dưỡng 8 bà Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa bàn tỉnh Nghệ An với số tiền 152 triệu đồng. Suốt từ năm 2014 đến nay, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã nhận phụng dưỡng suốt đời đối với 10 bà Mẹ Việt Nam anh hùng với tổng số tiền khoảng 180 triệu đồng mỗi năm. Hàng năm, Ngân hàng đều cử cán bộ đến thăm nom, chia sẻ và tặng quà các Mẹ mỗi dịp lễ tết.

Cũng trong năm 2019, Ngân hàng đã ủng hộ, tài trợ 500 triệu đồng cho hoạt động xây dựng nhà tình nghĩa và 510 triệu đồng cho chương trình “Một triệu lá cờ cùng ngư dân bám biển”. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã thường xuyên tổ chức và tài trợ hơn 200 triệu đồng cho rất nhiều chương trình đền ơn đáp nghĩa khác trên địa bàn Hà Nội, Nghệ An, Quảng Bình và TP Hồ Chí Minh.

- **Ủng hộ người nghèo**

Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, Hội sở chính và các Chi nhánh BAC A BANK trên khắp cả nước đã phối hợp cùng với các Cơ quan, Đoàn thể tổ chức kêu gọi quyên góp, ủng hộ gần 3,5 tỷ đồng cho các hoạt động ủng hộ người nghèo. Các hoạt động ủng hộ người nghèo, Ngân hàng TMCP Bắc Á chủ yếu thực hiện tài trợ qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn Ngân hàng Nhà nước, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Vì Tầm vóc Việt

Trong đó, Ngân hàng đã tài trợ 1,15 tỷ đồng cho chương trình Tết vì người nghèo, 1 tỷ đồng cho chương trình “Cả nước chung tay vì người nghèo” và thông qua Quỹ Vì tầm vóc Việt, Ngân hàng đã tài trợ 800 triệu đồng cho học sinh sinh viên nghèo và con em gia đình chính sách, các hoàn cảnh khó khăn và 500 triệu đồng để xây dựng cầu dân sinh hoặc trường học cho các địa phương đặc biệt khó khăn.

Bên cạnh đó, để hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, trong năm 2019, các Chi nhánh BAC A BANK cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên trẻ em nghèo, làng trẻ mồ côi trên địa bàn các tỉnh.

- **Hoạt động ủng hộ, từ thiện khác**

Ngoài các hoạt động nêu trên, Ngân hàng Bắc Á và các Đơn vị trực thuộc vẫn luôn thường xuyên tham gia, hưởng ứng và tài trợ các chương trình có ý nghĩa theo lời kêu gọi của các Cơ quan, ban ngành, tổ chức thiện nguyện trên khắp cả nước thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao của BAC A BANK đối với cộng đồng, xã hội. Tổng số tiền Ngân hàng tài trợ cho các hoạt động an sinh xã hội khác trong năm 2019 là hơn 1,1 tỷ đồng.

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh

- ❖ **Tăng trưởng ổn định, an toàn, bền vững**

Trong các năm vừa qua, tổng tài sản và các chỉ tiêu kinh doanh chính đều đạt mức tăng trưởng liên tục và ổn định. Tổng tài sản BAC A BANK đạt mức tăng trưởng trung bình từ năm 2015 đến 2019 là 13,68%/năm; tổng huy động vốn đạt mức tăng trung bình 13,55%/năm; dư nợ cho vay khách hàng tăng trung bình 14,89%/năm; lợi nhuận sau thuế đạt mức tăng trung bình là 22,76%/năm.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, các chỉ số an toàn hoạt động vẫn luôn được đảm bảo và tuân thủ theo quy định hiện hành. Tại ngày 31/12/2019, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng đạt 10,22% (quy định của NHNN là >9%), tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 76,44% (quy định của NHNN là <80%), tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng là 0,69%, tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 16,18% (quy định của NHNN là >10%).

❖ **Tiếp tục phát triển theo đúng định hướng chiến lược đã đặt ra là một ngân hàng tư vấn đầu tư và cấp tín dụng cho các khách hàng trong các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục**

Những năm qua, với tư duy hành động Nghiêm túc - Chân chính - Kiêu hãnh và chiến lược sử dụng Trí tuệ Việt, Tài nguyên Thiên nhiên Việt kết hợp với Công nghệ đầu cuối của thế giới, Ngân hàng Bắc Á đã tham gia tư vấn đầu tư sản xuất sạch bằng việc đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Một số dự án nổi bật năm 2019 là:

- Dự án Vùng nguyên liệu cho bò sữa và Trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung quy mô công nghiệp công nghệ cao tại Phú Yên, Thanh Hóa, Hà Giang.
- Dự án Phát triển Rau, củ, quả, dược liệu và Nhà máy chế biến quả và đồ uống nước hoa quả công nghệ cao tại tỉnh Sơn La.
- Dự án trồng và chế biến hoa quả đặc trưng Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk, Dự án Trồng và chế biến dược liệu công nghệ cao tại tỉnh Hà Giang, Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm tự nhiên Tây Nguyên tại tỉnh Lâm Đồng, Dự án trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ kết hợp Du lịch hồ Vệ Vừng tại tỉnh Nghệ An.
- Dự án Nhà máy sản xuất nước tinh khiết và nước hoa quả Núi Tiên tại xã Nghĩa Sơn - huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An chính thức hoàn thành và ra mắt sản phẩm TH True Water vào ngày 18/12/2018 và đã phát triển thị trường ra khắp cả nước trong năm 2019.
- Dự án Tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến của Tập đoàn TH do BAC A BANK tư vấn đầu tư tại tỉnh Moscow và Kaluga (Liên Bang Nga) với tổng vốn đầu tư 2,7 tỷ USD. Dự án này đã khánh thành Trang trại bò sữa đầu tiên vào tháng 1/2018 và bắt đầu khởi công Nhà máy chế biến sữa từ tháng 9/2018.
- Ngày 14/10/2019, một trong những dự án trọng điểm do BAC A BANK tư vấn đầu tư là dự án Tổ hợp Y tế và Chăm sóc sức khỏe công nghệ cao TH Medical của Tập đoàn TH đã được công bố và động thổ tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Đây là dự án y tế đầu tiên tại Việt Nam triển khai cụm tổ hợp 5 khu chức năng y tế công nghệ cao, nâng tầm các hoạt động chăm sóc toàn diện sức khỏe con người từ phòng bệnh; khám và điều trị bệnh tới chăm sóc phục hồi lên tầm cao mới.

❖ **Phát triển mạng lưới rộng khắp**

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 136 điểm trên địa bàn 31 tỉnh/thành phố với 01 Hội sở chính, 40 Chi nhánh và 95 Phòng giao dịch. Ngày 09/01/2020, PGD Việt Yên đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 137 điểm

Theo kế hoạch về mạng lưới đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, dự kiến năm 2020, Ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động thêm 05 Chi nhánh mới tại các địa bàn TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định và 04 Phòng Giao dịch mới trên địa bàn các tỉnh Ninh Bình, Bình Dương, Vũng Tàu, Khánh Hòa.

❖ **Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ**

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của nền kinh tế, Ngân hàng luôn cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong các năm gần đây, Ngân hàng đã giới thiệu đến khách hàng hàng loạt các sản phẩm dịch vụ hấp dẫn, phục vụ các nhu cầu tài chính thiết yếu.

• **Các sản phẩm tín dụng mới linh hoạt, đa dạng**

Nắm bắt được nhu cầu mua sắm lớn (nhà đất, xe cộ) và chi tiêu ngày càng tăng của khách hàng, BAC A BANK tiếp tục cung cấp nhiều sản phẩm cho vay đa dạng, phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng như Cho vay mua ô tô – Dream Car, Cho vay mua Bất động sản – Dream Home, Cho vay mua nhà dự án – Premium Home, Cho vay sửa chữa nhà – Fine House, Cho vay học phí TH School – Dream School và Cho vay tiêu dùng – Smart Life.

Trong năm 2019, Ngân hàng đã triển khai thêm các sản phẩm tín dụng mới là: Sản phẩm “Cho vay hỗ trợ chi phí du học”, “Cho vay tiêu dùng trả góp từ lương”, “Cho vay trồng, chăm sóc cây công nghiệp” đối với Khách hàng cá nhân; “Cho vay tiêu dùng không có TSBĐ” dành cho cán bộ nhân viên; “Cho vay Hợp tác kinh doanh trong nước”; “Cho vay đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ”; “Cấp tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp Thi công xây lắp”; “Chiết khấu Bộ chứng từ Xuất khẩu”.

Bên cạnh việc cung cấp nhiều sản phẩm tín dụng đa dạng, trong năm qua, BAC A BANK cũng đã triển khai rất nhiều chương trình ưu đãi nhằm hỗ trợ tối đa cho nhu cầu vay vốn của khách hàng, cụ thể:

- Ngày 08/01/2019, BAC A BANK triển khai Chương trình “Ưu đãi vốn vay – Đổi thay cuộc sống” dành cho đối tượng Khách hàng cá nhân tại BAC A BANK.
- Ngày 01/07/2019, BAC A BANK triển khai Chương trình “Ưu đãi cho vay dành cho khách hàng là giáo viên, bác sĩ, bộ đội” nhằm tri ân các khách hàng luôn nỗ lực đóng góp cho an sinh xã hội và sự bình yên của Tổ quốc.
- Ngày 01/07/2019, BAC A BANK triển khai Chương trình “Ô tô Doanh nghiệp: Tiếp bước thành công” nhằm hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay, nhanh chóng sở hữu ô tô phục vụ mục đích đi lại của Doanh nghiệp.
- Ngày 01/10/2019, BAC A BANK triển khai Chương trình “Vay ô tô nhanh, Đột phá kinh doanh” nhằm hỗ trợ Khách hàng doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để dễ dàng sở hữu ô tô phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh.
- Ngày 26/12/2019, BAC A BANK triển khai chương trình “Vay ưu đãi – Trọn niềm vui” với ưu đãi lãi suất đặc biệt dành riêng cho Khách hàng cá nhân.

• **Các sản phẩm tiết kiệm mới**

BAC A BANK thường xuyên chú trọng đổi mới và hoàn thiện các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm nhằm phát triển quy mô Huy động vốn tại BAC A BANK. Tại ngày 31/12/2019, Huy động vốn thị trường 1 của BAC A BANK đạt mức 82.298 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,71% trên tổng huy động vốn.

Năm 2019, BAC A BANK tiếp tục triển khai hiệu quả các sản phẩm “Tiết kiệm quân nhân”, “Tiết kiệm người cao tuổi”, “Tiết kiệm Người xây tổ ấm”, “Tiết kiệm sinh lợi mỗi ngày” và “Tiền gửi trực tuyến” đã góp phần giúp Huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng 11,41% so với năm 2018.

• **Các chương trình tri ân khách hàng, khuyến mại hấp dẫn**

Với phương châm luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, BAC A BANK không ngừng cung cấp những trải nghiệm tuyệt vời cho người gửi tiền bằng giá trị gia tăng vượt trội. Trong năm 2019, Ngân hàng đã triển khai hàng loạt các chương trình khuyến mại hấp dẫn, cạnh tranh như: Chương trình “Trao nửa yêu thương cùng quà tặng ý nghĩa từ BAC A BANK” nhằm tri ân các khách hàng nữ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; Chương trình “Rực rỡ hè sang rộn ràng quà tặng”; Chương trình “Tải app liền tay - nhận ngay quà tặng” dành cho những khách hàng đầu tiên tải ứng dụng BAC A BANK Mobile Banking trên điện thoại; Chương trình “Mừng sinh nhật ý nghĩa, Gửi tặng quà thời trang” nhằm tri ân các khách hàng thân thiết, thường xuyên giao dịch tại BAC A BANK; Chương trình “Trải nghiệm ngay, nhận quà liền tay” tặng ngay 50.000 đồng khi mở tài khoản, thẻ và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử tại BAC A BANK và đặc

biệt Chương trình khuyến mại “Mừng Xuân Canh Tý - Gửi lộc tri ân” với tổng giá trị giải thưởng lên tới gần 2,5 tỷ đồng.

Ngoài ra, BAC A BANK cũng đã liên kết với các đối tác cung cấp dịch vụ và mua sắm, thường xuyên triển khai các ưu đãi dành riêng cho các khách hàng là chủ thẻ của BAC A BANK như: Viettel, Mobiphone, Vinaphone, FPT, VinID, Airpay, QRPay, Lazada, Adayroi, Vietnam Airlines, Bamboo Airway CGV Vietnam, BHD Star Cineplex...

- **Siêu thị tài chính BAC A BANK**

BAC A BANK hướng đến mô hình - siêu thị tài chính một cửa cho khách hàng. Đây là mô hình kinh doanh kết hợp ngân hàng - bảo hiểm (bancassurance), mang lại những tiện ích vượt trội cho khách hàng. Đến với BAC A BANK, khách hàng sẽ được tiếp cận một siêu thị tài chính đúng nghĩa nơi có thể lựa chọn các giải pháp tài chính ngân hàng phù hợp với từng nhu cầu khác biệt.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, khách hàng được tư vấn các sản phẩm bảo hiểm cho chính khách hàng và tài sản của khách hàng: bảo hiểm xe ô tô B-auto, bảo hiểm nhà Bhome, bảo hiểm nhân thọ... Đây là các sản phẩm bảo hiểm do BAC A BANK là đại lý hợp tác với các công ty bảo hiểm, giúp các khách hàng vay vốn yên tâm khi mọi kế hoạch dự định ban đầu sẽ luôn được đảm bảo trong mọi trường hợp.

- ❖ **Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp**

Nhằm khuyến khích phong trào thi đua nội bộ và thúc đẩy doanh số hoạt động, BAC A BANK đã triển khai hàng loạt các chương trình thi đua trong năm 2019 như: Chương trình thi đua Phát hành thẻ và Phát triển Tài khoản Ngân hàng điện tử “Tăng tốc nhanh, Nhận thưởng lớn”, Chương trình thúc đẩy phát triển sản phẩm thanh toán lương qua tài khoản cho khách hàng doanh nghiệp “Tăng trưởng Payroll - Nhận ngay tiền thưởng” đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các đơn vị và cán bộ nhân viên.

Cũng trong năm 2019, BAC A BANK đã triển khai chuỗi các chương trình thi đua nội bộ của Mô hình hợp tác kinh doanh bảo hiểm BAC A BANK – DAI-ICHI: “Khởi động nhanh, tranh thưởng lớn”, “Điểm hẹn Sao Việt tại Nhật bản”, “Thi đua tăng tốc thành công Quý II/2019”, “Nước rút thành công Quý III/2019”, “Khám phá Đảo ngọc Đài Loan”, “Cán đích thắng lợi 2019” nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh hoàn thành, vượt chỉ tiêu thu phí bảo hiểm và thúc đẩy công tác thu phí chung của toàn hàng năm 2019.

3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

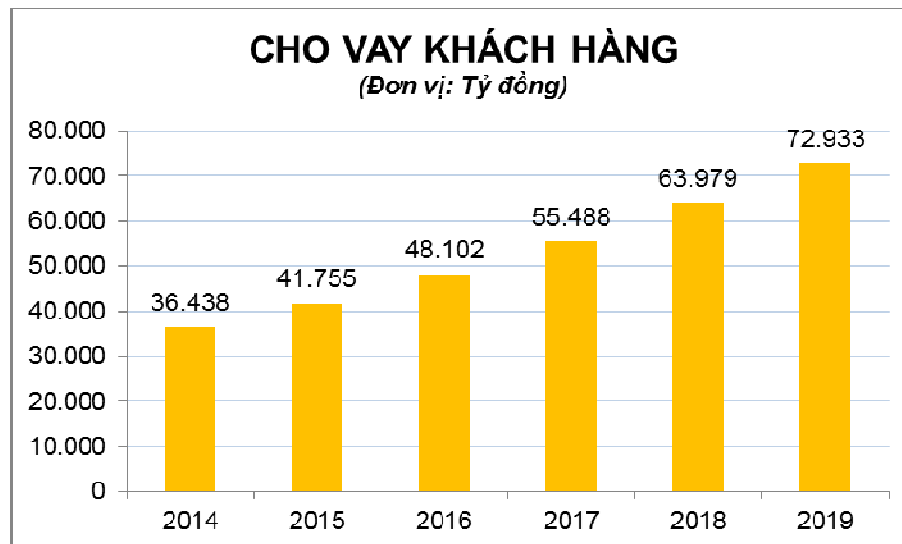
3.2.1. Tình hình tài sản

Trong cơ cấu tài sản Ngân hàng, tín dụng và các khoản mục đầu tư luôn chiếm tỷ trọng cao trong bảng tổng tài sản. Trong năm 2019, các khoản mục tài sản của Ngân hàng tăng trưởng ổn định và đi kèm với đó là chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.

- ❖ **Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định với cơ cấu hợp lý, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng**

Trong suốt những năm qua, BAC A BANK luôn kiên định con đường hướng tới các khách hàng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, mang tính an sinh xã hội nhằm tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững. Với đường lối đó, Ngân hàng đã ưu tiên nguồn vốn tín dụng và tư vấn đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng như bệnh viện, trường học, sản xuất dược liệu và sửa tươi sạch...

Trong giai đoạn vừa qua tổng dư nợ cho vay khách hàng của BAC A BANK liên tục tăng trưởng. Năm 2019, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 72.933 tỷ đồng, tăng 8.954 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,00% so với năm 2018. Trong đó, Ngân hàng ưu tiên nguồn vốn cấp tín dụng cho các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế như lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, y tế và giáo dục; hạn chế cho vay các lĩnh vực nhiều rủi ro như bất động sản, chứng khoán.



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2014 đến 2019)

Mặc khác, Ngân hàng chú trọng duy trì sự cân đối giữa cho vay và huy động về cả quy mô, kỳ hạn và loại tiền, đảm bảo sự an toàn, giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của Ngân hàng luôn bám sát chiến lược theo từng thời kì, đảm bảo cân đối về kỳ hạn với nguồn vốn huy động, từ đó góp phần quản lý thanh khoản hiệu quả và giảm thiểu rủi ro về lãi suất. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi luôn đảm bảo dưới 80% theo quy định của NHNN (tại thời điểm 31/12/2019, tỷ lệ này là 76,44%).

Cùng với sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tín dụng theo định hướng đã đề ra, chất lượng tín dụng cũng luôn được BAC A BANK quan tâm đúng mức. Ngân hàng luôn thực hiện việc kiểm soát chính sách tín dụng một cách chặt chẽ và thận trọng. Công tác rà soát, phân loại nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của NHNN luôn được thực hiện nghiêm túc. Tại thời điểm cuối năm 2019, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng của Ngân hàng là 0,69% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

❖ **Ngân hàng thực hiện đầu tư linh hoạt, hiệu quả**

Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, đồng thời giảm dần phụ thuộc thu nhập từ tín dụng, Ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và luôn duy trì tỷ trọng đầu tư hợp lý trong tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD với ưu điểm ít rủi ro và có tính thanh khoản tốt với mức sinh lời hợp lý. Ngân hàng chủ trương không chú trọng đầu tư cổ phiếu. Với nguồn vốn khả dụng dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng thận trọng thì việc đầu tư vào trái phiếu là tối ưu, vừa đảm bảo khả năng sinh lời vừa đảm bảo tính thanh khoản cao cho Ngân hàng, đồng thời cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc thu nhập vào hoạt động tín dụng.

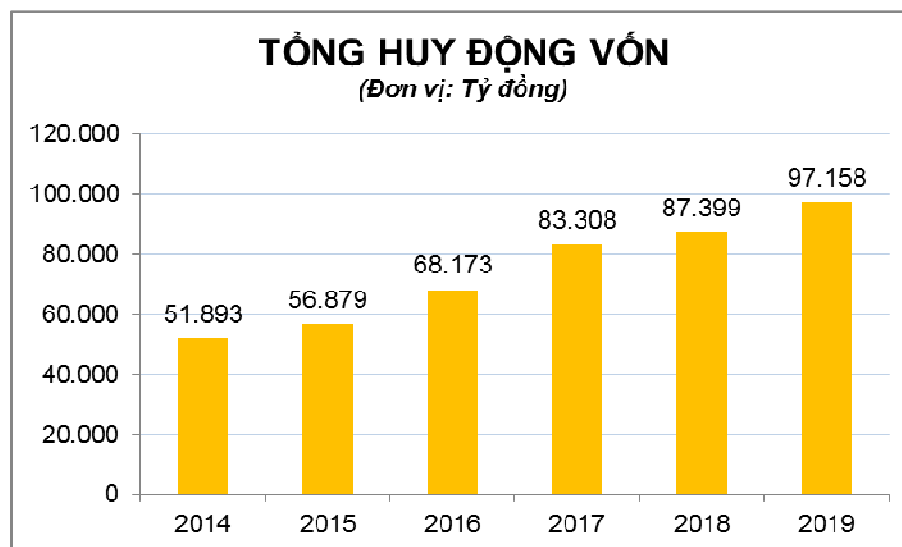
3.2.2. Tình hình nợ phải trả

❖ **Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững**

Huy động vốn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, bởi đây là nguồn vốn khả dụng chủ yếu cho các hoạt động tín dụng và đầu tư. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Ngân hàng đã triển khai các chương trình khuyến mại hấp dẫn, không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi phù hợp với từng phân khúc khách hàng đồng thời đẩy mạnh công tác thương hiệu nhằm thu hút khách hàng.

Năm 2019, Tổng huy động vốn của Ngân hàng đạt 97.158 tỷ đồng, tăng trưởng 11,17% so với năm 2018. Trong đó, huy động vốn thị trường 1 tăng 8.430 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,41% so với năm 2018, nâng tổng huy động vốn thị trường 1 lên 82.298 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 84,71% trên tổng huy động vốn.

Huy động từ thị trường 2 tại thời điểm 31/12/2019 là 14.860 tỷ đồng chỉ chiếm tỷ trọng 15,29% tổng huy động. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản.



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2014 đến 2019)

Đạt được kết quả tích cực trong công tác huy động vốn có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng đã tạo được dấu ấn tốt và niềm tin cho khách hàng. Sau thời gian tự tái cấu trúc chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới của một ngân hàng thương mại hiện đại, đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, tính chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của Ngân hàng đã được nâng cao và đã tạo được ấn tượng tốt với các khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng.

Trong thời gian qua Ngân hàng phát triển các dịch vụ, tiện ích phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, bên cạnh đó không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường khuyến mãi, quà tặng tri ân khách hàng thân thiết nhằm tạo mối quan hệ gắn bó. Công tác đào tạo cán bộ chăm sóc khách hàng cũng luôn chú trọng để đảm bảo chất lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu và chuyên nghiệp.

3.3. Kế hoạch phát triển

Với mục tiêu sẽ trở thành một ngân hàng đa năng có quy mô vừa, kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và ưu tiên cho vay các khách hàng trong lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... BAC A BANK sẽ thúc đẩy toàn diện hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch trên mọi mặt công tác.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2020 là:

(1) - Về công tác huy động vốn: Tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế, khuyến khích tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ để duy trì ổn định nguồn vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện các giải pháp để tăng quy mô và tăng huy động kỳ hạn dài, tăng tỷ trọng huy động vốn TCKT, từng bước giảm dần giá vốn; Xây dựng gói chính sách ưu đãi, hấp dẫn song song với việc xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng VIP, tiến hành phân lớp khách hàng chi tiết hơn để thúc đẩy huy động vốn trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

(2) - Về hoạt động cho vay và xử lý nợ xấu: Thực hiện cho vay theo định hướng của HĐQT và mức tăng trưởng được giao của NHNN; Tăng cường giám sát hoạt động cho vay để đảm bảo chất lượng tín dụng, đơn đốc thu hồi nợ, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu; Đẩy mạnh công tác hỗ trợ tín dụng để thúc đẩy tín dụng tại các Chi nhánh. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt các biện

pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, duy trì tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch đề ra, trích lập dự phòng rủi ro đủ theo quy định.

(3) - Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ hiện có, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài để bổ sung nhân sự cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Tiếp tục rà soát xây dựng, bổ sung đầy đủ và hoàn thiện các chính sách nhân sự, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển dụng.

(4) – Công tác tư vấn đầu tư: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn đầu tư gồm các nội dung tư vấn như: Lập báo cáo đầu tư cho các dự án; Tư vấn cấp giấy chứng nhận đầu tư/ quyết định chủ trương đầu tư; Tư vấn lập đề án/ phương án sản xuất kinh doanh; Tư vấn hoàn thiện thủ tục pháp lý; Tư vấn thu xếp vốn; Tư vấn về các chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư như thuế, đất đai, môi trường, các chính sách hỗ trợ đầu tư,... Phân đầu hoàn thành kế hoạch thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư đã đề ra từ đầu năm.

(5) - Về hoạt động dịch vụ: Thúc đẩy hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập thuần. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ tầng công nghệ. Thúc đẩy thực hiện Dự án ngân hàng số và Thẻ tín dụng.

(6) - Quản lý chi phí: Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chi phí hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống. Tăng cường quản lý chi phí thường xuyên, giám sát thực hiện các quy định thu chi nội bộ, tổng hợp đánh giá hiệu quả quản lý chi phí toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh.

(7) - Phát triển mạng lưới: Khẩn trương hoàn thành xây dựng cải tạo địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất và tuyển dụng nhân sự để đưa các Chi nhánh, Phòng giao dịch đã được cấp phép đi vào hoạt động sớm. Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát khả năng mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, hoàn thành các thủ tục xin cấp phép theo kế hoạch đề ra.

(8) - Công nghệ thông tin: Tiếp tục đầu tư để phát triển hệ thống công nghệ thông tin, duy trì hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật; Cải tiến các tính năng hiện có để nâng cao tính tiện dụng các nghiệp vụ hiện tại, đầu tư bổ sung các tính năng mới để đáp ứng tốc độ phát triển của ngân hàng; Xây dựng lộ trình cải tiến công nghệ phù hợp với xu thế phát triển công nghệ hiện nay.

(9) - Quản trị rủi ro: Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa, cảnh báo rủi ro, phát hiện kịp thời các sai phạm về hoạt động kinh doanh. Tham gia quá trình kiểm soát rủi ro đối với từng sản phẩm, từng quy trình, quy chế hoạt động vận hành tác nghiệp; Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong năm và triển khai thực hiện, chú trọng vào những đơn vị, những mảng nghiệp vụ có đánh giá mức độ rủi ro cao; Xử lý nghiêm các sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

(10) - Truyền thông quảng bá thương hiệu: Thực hiện tốt công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, công tác xã hội, thiện nguyện, tham gia các giải thưởng bình chọn của một số tổ chức uy tín trong nước và quốc tế... nhằm tiếp tục nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế thương hiệu BAC A BANK trên thị trường.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Năm 2019, tăng trưởng kinh tế thế giới chững lại ở mức 3,07% trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng. Thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm hơn dự báo do gia tăng chủ nghĩa bảo hộ và căng thẳng chính trị tiếp diễn tại nhiều khu vực trong đó nổi bật là khu vực Trung Đông, với tâm điểm là quan hệ Mỹ - Iran, khu vực biển Đông, quan hệ Mỹ - Triều Tiên.

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng (GDP) năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu và duy trì được tốc độ trên 7% trong những năm gần đây nhờ sự cải thiện mạnh về cả tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế.

Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT để ổn định thị trường tiền tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện thuận lợi để TCTD tăng cường khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế. Quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 được ngành Ngân hàng quan tâm triển khai, cùng với việc Quốc hội ban hành Nghị Quyết 42 tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc xử lý nợ xấu. Kết quả tái cơ cấu và xử lý nợ xấu bước đầu đã giúp hệ thống ngân hàng tiếp tục duy trì sự ổn định, ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn hệ thống. Qua đó tiếp tục củng cố niềm tin của người dân đối với hệ thống ngân hàng và đóng góp thiết thực vào quá trình tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, BAC A BANK tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành và toàn hệ thống phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, tồn tại, đã nỗ lực hoàn thành những kết quả quan trọng như sau:

- ***Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2019***

Toàn hệ thống BAC A BANK đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019, trong đó, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch và đạt cao nhất so với các năm trước đây gồm: Huy động vốn thị trường 1 đạt 82.298 tỷ đồng, tăng 11,41% so với năm 2018; Dư nợ cho vay khách hàng tăng 14,00% đạt 98,80% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 749 tỷ đồng, tăng 10,64%, hoàn thành vượt kế hoạch đặt ra.

Bên cạnh đó, BAC A BANK tuân thủ trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước về các chỉ số an toàn trong hoạt động. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh (ROE, ROA) của Ngân hàng nằm trong nhóm ngân hàng TMCP có chỉ số tốt.

- ***Đẩy mạnh thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2017 – 2020***

Ngày 15/06/2018, NHNN chính thức thông qua Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2017 – 2020 của BAC A BANK. Năm 2019, Ngân hàng đã đẩy mạnh thực hiện các nội dung trong Phương án cơ cấu lại để đạt mục tiêu trở thành một ngân hàng có quy mô vừa, tăng trưởng lành mạnh, chất lượng và hiệu quả cao, tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính, năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh,... Nhìn chung, đến cuối năm 2019, Ngân hàng đã thực hiện hoàn thành các nội dung mục tiêu, kế hoạch đề ra theo lộ trình thực hiện của Phương án.

- ***Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ sung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự***

Trong năm 2019, BAC A BANK được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cấp phép và đã hoàn thành mở rộng mạng lưới hoạt động thêm 10 điểm giao dịch gồm 05 Chi nhánh và 05 Phòng giao dịch. Và ngay từ đầu năm 2020, Ngân hàng đã được cấp phép mở thêm 05 Chi nhánh và 04 Phòng giao dịch mới.

Đến 31/12/2019, BAC A BANK có mạng lưới 136 điểm giao dịch, gồm Hội sở, 40 Chi nhánh, 95 Phòng giao dịch tại 31 tỉnh thành trên toàn quốc với đội ngũ cán bộ nhân viên 2.195 người, cơ cấu tổ chức bộ máy được củng cố, nâng cấp, sắp xếp lại phù hợp.

- ***Năm tiếp nối thành công của các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư***

Năm 2019 là năm tiếp nối thành công của các Dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư, điển hình là Tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến tại Nga đã hoàn thành cụm trang trại, cánh đồng nguyên liệu và khởi công nhà máy chế biến Sữa. Dự án Nhà máy sản xuất nước tinh khiết và nước hoa quả Núi Tiên tại xã Nghĩa Sơn - huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An chính thức hoàn thành và ra mắt sản phẩm TH True Water. Hàng loạt các dự án ứng dụng công nghệ cao cho nông nghiệp khác do BAC A BANK tư vấn đầu tư được khởi công.

Đặc biệt, ngày 14/10/2019, tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội, Tập đoàn TH tổ chức lễ Động thổ và công bố dự án Tổ hợp Y tế và Chăm sóc sức khỏe công nghệ cao TH Medical, một trụ cột tiếp theo mang sứ mệnh và giá trị cốt lõi mà TH luôn theo đuổi: “Vi sức khỏe cộng đồng”. Đây là dự án y tế đầu tiên tại Việt Nam triển khai cụm tổ hợp 5 khu chức năng y tế công nghệ cao, nâng tầm các hoạt động chăm sóc

toàn diện sức khỏe con người từ phòng bệnh; khám và điều trị bệnh tới chăm sóc phục hồi lên tầm cao mới. Dự án này cũng là một trong những dự án trọng điểm do BAC A BANK tư vấn đầu tư.

- **Các giải thưởng được trao tặng**

Năm 2019, Lãnh đạo và Ngân hàng tiếp tục nhận được những giải thưởng có uy tín. Nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập, BAC A BANK đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, cờ Thi đua xuất sắc và bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An và bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, trong năm 2019, BAC A BANK cũng đã giành giải thưởng “Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh” trong khuôn khổ “Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2019 - Vietnam Outstanding Banking Awards 2019” (VOBA) do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp tổ chức. Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được tôn vinh với Giải thưởng Nữ doanh nhân Quyền lực Tại Diễn đàn Tri thức Thế giới - World Knowledge Forum 2019 diễn ra ở Seoul (Hàn Quốc).

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc và sát sao việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ Ngân hàng và quy chế Quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành để triển khai các nhiệm vụ, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành qua các cuộc họp định kỳ. Tổng Giám đốc tham dự đầy đủ các buổi họp, báo cáo tình hình mọi mặt hoạt động của Ngân hàng cũng như các kế hoạch sắp tới. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc cũng đưa ra nhiều ý kiến xây dựng quan trọng, đề xuất các kế hoạch trình Hội đồng Quản trị. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định kịp thời hoặc phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, triển khai thực hiện.

Năm 2019, trước những thách thức, khó khăn riêng của quá trình tái cơ cấu, cạnh tranh ngày càng cao trong ngành ngân hàng, Ban Điều hành đã tiếp tục chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở bám sát các định hướng của Hội đồng Quản trị cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra một cách mạnh mẽ, Ngân hàng đứng trước những cơ hội cũng như thách thức mới. Công nghệ đang dần ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách vận hành ngân hàng và công tác quản trị nguồn nhân lực cũng như ngày càng liên quan mật thiết đến cách thức ngân hàng kết nối với khách hàng. BAC A BANK đã nắm bắt xu hướng đó và đang chủ động chuẩn bị các tiền đề để xây dựng phát triển mô hình ngân hàng số, trước mắt là tập trung đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 để đạt mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu tại Việt Nam.

BAC A BANK tiếp tục phát huy thế mạnh tư vấn đầu tư và cho vay đối với các lớp khách hàng phát triển chuyên sâu và bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng, phù hợp với xu hướng thị trường; phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo sát sao Ban Điều hành và toàn hệ thống nỗ lực tối đa triển khai các giải pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020.

Các nội dung cơ bản trong chỉ đạo điều hành của Hội đồng Quản trị gồm:

- Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng lành mạnh, an toàn, có chất lượng và hiệu quả về quy mô hoạt động kinh doanh. Cụ thể: Tiếp tục triển khai tăng vốn điều lệ theo lộ trình để đảm bảo đáp ứng đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; Đẩy mạnh tăng trưởng huy động vốn khách hàng và chuyển dịch tăng huy động

vốn kỳ hạn dài; Tăng trưởng tín dụng đúng định hướng, đảm bảo chất lượng tín dụng, quyết liệt xử lý nợ xấu; Tiếp tục cơ cấu lại danh mục tài sản, công nợ, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; Phát triển hệ thống mạng lưới, các kênh phân phối, phát triển thị trường và sản phẩm dịch vụ bán lẻ, tăng mức thu dịch vụ; Tiếp tục nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu, tham gia các giải thưởng, bình chọn uy tín.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự: Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có, hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, xây dựng các chính sách đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi để cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị phù hợp với các chuẩn mực hiện nay, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động để ngăn ngừa và phát hiện các sai phạm trong hoạt động kinh doanh.
- Công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về phát triển và công tác quản trị của Ngân hàng.
- Triển khai đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của thu nhập và lợi nhuận từ hoạt động tín dụng. Khai thác thu dịch vụ từ hoạt động thế mạnh là dịch vụ tư vấn đầu tư. Thúc đẩy việc thực hiện Dự án Ngân hàng số.
- Tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG	Trang
THÔNG TIN CHUNG	32
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	34 - 35
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	36 - 81
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	36 - 38
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	39
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	40 - 41
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	42 - 81

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 47/GP-NHNN ngày 16/04/2019, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 31 ngày 31/10/2019.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)
Ông Nguyễn Hữu Phảng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)
Bà Hoàng Hồng Hạnh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Công	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)
Ông Thái Đình Long	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 51. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Ngân hàng không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thái Hương

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Số: 67/2020/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 51 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 03 năm 2019.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Đỗ Thị Ánh Tuyết
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0079-2018-242-1

Nguyễn Hồng Quang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	568.407	460.335
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	495.075	512.340
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	12.520.555	10.826.234
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		12.062.775	10.449.234
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		457.780	377.000
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	3.136.500	2.099.151
1	Chứng khoán kinh doanh		3.136.500	2.099.151
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính	7	27.641	82.891
VI	Cho vay khách hàng		72.278.567	63.385.736
1	Cho vay khách hàng	8	72.933.312	63.979.415
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(654.745)	(593.679)
VIII	Chứng khoán đầu tư	10	14.729.864	15.695.965
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		14.636.506	15.498.630
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		473.078	487.355
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(379.720)	(290.020)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	268.660	268.097
4	Đầu tư dài hạn khác		270.660	303.672
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.000)	(35.575)
X	Tài sản cố định		671.020	654.756
1.	Tài sản cố định hữu hình	12	132.437	115.855
a	Nguyên giá TSCĐ		342.831	301.925
b	Hao mòn TSCĐ		(210.394)	(186.070)
3.	Tài sản cố định vô hình	13	538.583	538.901
a	Nguyên giá TSCĐ		616.328	609.193
b	Hao mòn TSCĐ		(77.745)	(70.292)
XI	Bất động sản đầu tư		7.802	7.802
a	Nguyên giá BĐSĐT		7.802	7.802
XII	Tài sản Có khác	14	3.185.678	3.035.754
1	Các khoản phải thu		156.153	106.161
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.987.795	2.891.547
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		1.785	2.502
4	Tài sản Có khác		39.945	35.544
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		107.889.769	97.029.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	15	196.047	112.491
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	14.658.448	13.405.883
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		13.067.379	12.761.764
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		1.591.069	644.119
III	Tiền gửi của khách hàng	17	76.163.271	72.534.422
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	18	5.587	12.467
VI	Phát hành giấy tờ có giá	19	6.134.254	1.333.848
VII	Các khoản nợ khác		2.917.177	2.547.494
1	Các khoản lãi, phí phải trả		2.613.019	2.318.538
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	304.158	228.956
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		100.074.784	89.946.605
VIII	Vốn chủ sở hữu	21	7.814.985	7.082.456
1	Vốn của tổ chức tín dụng		6.507.398	5.507.398
a	Vốn điều lệ		6.500.000	5.500.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		7.398	7.398
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		486.509	400.015
5	Lợi nhuận chưa phân phối		821.078	1.175.043
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		107.889.769	97.029.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
			Triệu VND	Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	35	38.160	25.228
2	Cam kết giao dịch hối đoái	35	20.342.469	9.796.802
a	Cam kết mua ngoại tệ		1.663.950	1.387.200
b	Cam kết bán ngoại tệ		3.063.897	642.014
c	Cam kết giao dịch hoán đổi		15.614.622	7.767.588
3	Cam kết cho vay không hủy ngang		29.745	-
5	Bảo lãnh khác	35	385.862	282.821

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Nghe An, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Thái Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	8.936.134	7.588.025
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(6.969.579)	(5.889.353)
I	Thu nhập lãi thuần		1.966.555	1.698.672
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		107.180	92.810
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(34.455)	(19.806)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	72.725	73.004
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	30.655	16.686
IV	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	-	4.749
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	25.974	80.201
5	Thu nhập từ hoạt động khác		88.879	103.930
6	Chi phí hoạt động khác		(7.699)	(5.857)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	81.180	98.073
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	15.297	25.350
VIII	Chi phí hoạt động	30	(1.103.592)	(879.857)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.088.794	1.116.878
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(154.901)	(274.412)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		933.893	842.466
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(183.719)	(163.866)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(718)	(1.390)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(184.437)	(165.256)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		749.456	677.210
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	21.2	1.238	1.144

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Thái Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019 Triệu VND	Năm 2018 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		8.810.450	7.246.888
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(6.675.098)	(5.374.138)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		102.161	30.753
04	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		63.754	78.886
05	Thu nhập khác		14.968	2.591
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		66.212	99.059
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.023.913)	(878.832)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(179.585)	(117.898)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.178.949	1.087.309
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(457.781)	-
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.061.396)	1.120.473
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		55.250	(47.079)
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(8.956.023)	(9.051.374)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(2.125)	279.766
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(61.392)	(33.000)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		83.556	6.522
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		1.252.566	(5.431.491)
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)		3.628.849	9.119.323
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		4.800.406	383.848
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(6.880)	8.580
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		24.121	(15.280)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(18.724)	(35.499)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		459.377	(2.607.902)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Mua sắm tài sản cố định		(47.771)	(86.672)
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	(3.577)
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	1.184
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	5.867
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		15.297	25.350
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.474)	(57.848)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019 Triệu VND	Năm 2018 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu			37.951
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			37.951
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		426.903	(2.627.799)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		12.699.354	15.327.153
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	32	13.126.257	12.699.354

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Thái Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng có thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, đã được cấp đổi theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GPNHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/04/2019.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Ngân hàng là:

- Kinh doanh tiền tệ;
- Kinh doanh khách sạn;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn thuế, kiểm toán, kế toán và tư vấn pháp luật);
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Hoạt động ngoại hối;
- Hoạt động bao thanh toán;
- Phái sinh về lãi suất;
- Chiết khấu công cụ, chuyển nhượng Giấy tờ có giá.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.500 tỷ VND (Sáu nghìn năm trăm tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 117 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, bốn mươi (40) chi nhánh, hai (02) công ty con tại Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019 của Ngân hàng

<u>Công ty con</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỉ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (AMC)	Quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay	100%
Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á	Cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ	100%

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có 2.195 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.042 nhân viên).

2 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 . Năm tài chính và đơn vị tiền tệ

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán

Ngân hàng đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN.

2.3 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và Báo cáo tài chính của các công ty con do Ngân hàng kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Ngân hàng, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Ngân hàng. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4 . Các cơ sở đánh giá và ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.5 . Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại hoạt động kinh doanh ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán riêng và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.6 . Các khoản đầu tư chứng khoán

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc các chứng khoán khác được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Ngân hàng và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội/chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng

Khi Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, Ngân hàng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận từ VAMC qua nghiệp vụ mua bán nợ trên tài khoản chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền nũu ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi số số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn có phần của khách hàng là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

2.7 . Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Ngân hàng nắm quyền kiểm soát được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Ngân hàng nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Ngân hàng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 11% quyền biểu quyết và đồng thời là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

2.8 . Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì Ngân hàng xác định mức dự phòng cho từng khoản đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 thông tư số 48/2019/TT-BTC.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện có phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Ngân hàng xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 thông tư số 48/2019/TT-BTC.
- Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Ngân hàng không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UpCom), thì Ngân hàng thực hiện dự phòng rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng thực hiện tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo mệnh giá và thời hạn của trái phiếu trừ (-) số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28/08/2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 do Bộ Tài chính ban hành.

Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư và vốn chủ sở hữu thực có trên các báo cáo tài chính của kỳ kế toán cùng thời điểm của các đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.9 . Các khoản cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 18/03/2014, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Ngoài ra, theo Thông tư số 10/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20/03/2014, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: *Nợ trong hạn và Nợ quá hạn* dựa vào trạng thái quá hạn của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng: Dự phòng rủi ro tín dụng được lập theo quý và được ghi nhận vào báo cáo tài chính trong quý tiếp theo. Riêng dự phòng của quý 4 được lập và ghi nhận trong tháng 12 trên cơ sở các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung: Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 theo quý và ghi nhận vào báo cáo tài chính trong quý tiếp theo, riêng quý 4 được lập tại ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

2.10 . Các khoản cam kết ngoại bảng

Ngân hàng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng tiền lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng phải thực hiện phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm (xem Thuyết minh 2.9) để thực hiện quản lý.

2.11 . Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá mua và bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.12 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 13	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 11	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08	năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bất động sản đầu tư chủ yếu là quyền sử dụng đất lâu dài nắm giữ vì mục đích chờ tăng giá và không trích khấu hao.

2.13 . Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay tổ chức tín dụng khác

Hoạt động gửi tiền có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được Ngân hàng áp dụng theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/06/2012 quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực thi hành từ ngày 01/09/2012 và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN ngày 07/01/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TT-NHNN.

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay các tổ chức tín dụng khác theo quy định về phân loại nhóm nợ và trích dự phòng rủi ro tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.14 . Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2018/TT-NHNN.

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khác hàng (xem Thuyết minh 2.9).

2.15 . Các hợp đồng phải sinh tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao dịch giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - Khoản mục “Công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục “Công cụ tài chính phải sinh và các công nợ tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn hợp đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản đánh giá lại trong kỳ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.16 . Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó dựa trên số năm làm việc tính đến năm 2008 và mức lương bình quân trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng thực hiện chi trợ cấp thôi việc từ chi phí hoạt động trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào khoản mục thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ: Các quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế mỗi năm, số dư tối đa của quỹ không vượt quá vốn điều lệ hiện có của tổ chức tín dụng. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng sau khi có thông báo chia cổ tức của Ngân hàng và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thu được tiền.

Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 thì số lãi dự thu của khoản nợ này được thoái thu, ghi nhận ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thu được tiền.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thu được tiền.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ phí, hoa hồng dịch vụ và có tức

Các khoản thu nhập phí và hoa hồng được hạch toán theo phương pháp dự thu.

Cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư của Ngân hàng được xác định. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thương nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Ngân hàng hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.20 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản cho vay tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2.21 . Cán trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cán trừ và thể hiện giá trị ròng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cán trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.22 . Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản phái sinh và các tài sản tài chính khác.

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu;
- Tài sản sẵn sàng để bán.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, giấy tờ có giá đã phát hành, các khoản nợ phải trả phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh;
- Các khoản công nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên có liên quan của Ngân hàng là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ của Ngân hàng;
- Công ty con của Ngân hàng;
- Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	494.478	398.032
Tiền mặt bằng ngoại tệ	73.929	62.303
	568.407	460.335

4 . Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	495.075	512.340
- <i>Bằng VND</i>	465.953	495.712
- <i>Bằng ngoại tệ</i>	29.122	16.628
	495.075	512.340

5 . Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

5.1 . Tiền gửi tại các TCTD khác

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	1.450.028	1.060.118
- <i>Bảng VND</i>	<i>315.611</i>	<i>16.158</i>
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>1.134.417</i>	<i>1.043.960</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	10.612.747	9.389.116
- <i>Bảng VND</i>	<i>10.600.000</i>	<i>8.914.000</i>
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>12.747</i>	<i>475.116</i>
	<u>12.062.775</u>	<u>10.449.234</u>

5.2 . Cho vay các TCTD khác

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Bảng VND	457.780	377.000
- <i>Trong đó: chiết khấu, tái chiết khấu</i>	<i>457.780</i>	<i>-</i>
	<u>457.780</u>	<u>377.000</u>
Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	<u>12.520.555</u>	<u>10.826.234</u>

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.070.527	9.766.116
	<u>11.070.527</u>	<u>9.766.116</u>

6 . Chứng khoán kinh doanh

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Chứng khoán nợ</i>	<i>3.000.000</i>	<i>1.970.000</i>
Chứng chỉ tiền gửi	3.000.000	1.970.000
<i>Chứng khoán vốn</i>	<i>136.500</i>	<i>129.151</i>
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	136.500	129.151
	<u>3.136.500</u>	<u>2.099.151</u>

Chi tiết tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	3.000.000	1.970.000
- Chưa niêm yết	3.000.000	1.970.000
Chứng khoán vốn	136.500	129.151
- Đã niêm yết	136.500	129.151
	3.136.500	2.099.151

7 . Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
	Tài sản	Công nợ
	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31/12/2019	27.641	-
<i>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</i>	<i>27.641</i>	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	27.641	-
Tại ngày 31/12/2018	82.891	-
<i>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</i>	<i>82.891</i>	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	82.891	-

8 . Cho vay khách hàng

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	72.930.750	63.976.304
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	500	500
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ	2.062	2.611
	72.933.312	63.979.415

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	72.385.261	63.451.150
Nợ cần chú ý	48.025	40.190
Nợ dưới tiêu chuẩn	264.743	251.322
Nợ nghi ngờ	17.576	7.448
Nợ có khả năng mất vốn	217.707	229.305
	72.933.312	63.979.415

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	31.383.290	27.251.471
Nợ trung hạn	13.876.856	12.758.260
Nợ dài hạn	27.673.166	23.969.684
	72.933.312	63.979.415

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các TCKT	21.048.565	17.915.543
- Công ty TNHH	4.943.671	3.551.442
- Công ty Cổ phần	16.099.788	14.360.716
- Doanh nghiệp tư nhân	3.108	1.251
- Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	1.998	2.134
Cho vay cá nhân	51.884.747	46.063.872
	72.933.312	63.979.415

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	15.445.036	15.428.179
Khai khoáng	844.980	758.866
Công nghiệp chế biến, chế tạo	24.009.353	20.506.854
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.456	1.215
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	2.622.654	2.573.233
Xây dựng	6.783.157	6.692.063
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4.764.033	4.489.815
Vận tải kho bãi	1.442.333	1.358.679
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	204.146	219.361
Thông tin và truyền thông	420.881	462.023
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	369.491	368.145
Hoạt động kinh doanh bất động sản	914.790	846.666
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	22.026	14.856
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	68.955	56.678
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	7.176	650
Giáo dục và đào tạo	1.741.508	1.842.509
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	564.852	530.499
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	249.178	251.123
Hoạt động dịch vụ khác	6.673.003	4.033.170
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.782.706	3.544.091
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	598	740
	72.933.312	63.979.415

9 . Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng cụ thể	(121.502)	(122.395)
Dự phòng chung	(533.243)	(471.284)
	(654.745)	(593.679)

Chi tiết tăng/giảm dự phòng rủi ro tín dụng:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Năm nay</i>		
Số dư đầu năm	(471.284)	(122.395)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(62.542)	(2.489)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	583	1.257
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	2.125
Số dư cuối năm	(533.243)	(121.502)
<i>Năm trước</i>		
Số dư đầu năm	(402.819)	(210.115)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(69.609)	(192.688)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.144	642
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	279.766
Số dư cuối năm	(471.284)	(122.395)

10 . Chứng khoán đầu tư

10.1 . Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	14.636.506	15.498.630
- Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	8.266.224	8.778.170
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	6.370.282	6.720.460
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(7.125)	-
- Dự phòng chung	(7.125)	-
	14.629.381	15.498.630

10.2 . Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	473.078	487.355
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(372.595)	(290.020)
	100.483	197.335
Tổng chứng khoán đầu tư	14.729.864	15.695.965

10.3 . Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.370.282	6.720.460
	6.370.282	6.720.460

11 . Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	270.660	303.672
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.000)	(35.575)
	268.660	268.097

Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019:

Các khoản đầu tư	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	115.500	5,12	115.500	5,00
- Công ty Cổ phần Chuyên mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	2.000	0,64	2.000	0,64
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	-	-	14.260	4,00
- Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam VF4	30.883	8,51	30.883	10,76
- Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam VF2	-	-	18.752	3,63
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VF1	1.932	0,82	1.932	0,61
- Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Giáo dục Quốc tế	7.000	2,81	7.000	4,12
- Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Thăng Năm	68.000	10,46	68.000	10,46
- Công ty Cổ phần Địa ốc MB	1.676	0,26	1.676	0,26
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	19.780	6,12	19.780	6,12
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	2.000	10,00	2.000	10,00
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	21.889	0,50	21.889	0,44
	270.660		303.672	

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2019:

Các khoản đầu tư	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	-	(14.260)
- Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na	-	(562)
- Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam VF2	-	(18.753)
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	(2.000)	(2.000)
	(2.000)	(35.575)

12 . Tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình trong năm:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	65.500	126.722	66.271	43.432	301.925
- Mua sắm trong năm	2.085	10.708	22.763	5.541	41.097
- Giảm khác	(34)	(45)	(112)	-	(191)
Số dư cuối năm	67.551	137.385	88.922	48.973	342.831
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28.871	81.597	36.887	38.715	186.070
- Khấu hao trong năm	2.595	12.621	6.903	2.205	24.324
Số dư cuối năm	31.466	94.218	43.790	40.920	210.394
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	36.629	45.125	29.384	4.717	115.855
Tại ngày cuối năm	36.085	43.167	45.132	8.053	132.437

13 . Tài sản cố định vô hình

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình trong năm:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	528.988	80.205	609.193
- Mua sắm trong năm	-	7.135	7.135
Số dư cuối năm	528.988	87.340	616.328
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.562	64.730	70.292
- Khấu hao trong năm	812	6.641	7.453
Số dư cuối năm	6.374	71.371	77.745
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	523.426	15.475	538.901
Tại ngày cuối năm	522.614	15.969	538.583

14 . Tài sản Cố khác

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.305
Các khoản phải thu	156.153	104.856
Các khoản lãi, phí phải thu	2.987.795	2.891.547
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.785	2.502
Tài sản cố khác	39.945	35.544
	3.185.678	3.035.754

14.1 . Các khoản phải thu

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	22.616	18.143
Thanh toán với Ngân sách Nhà nước	2.908	4.089
Các khoản phải thu nội bộ	95.464	55.144
Các khoản phải thu bên ngoài	35.165	27.480
	156.153	104.856

14.2 . Tài sản cố khác

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ dụng cụ, vật liệu	19.649	17.858
Chi phí chờ phân bổ	20.296	17.686
	39.945	35.544

15 . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Vay Ngân hàng Nhà nước</i>	<i>196.047</i>	<i>112.491</i>
Vay theo hồ sơ tín dụng	196.047	112.491
	196.047	112.491

16 . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>13.067.379</i>	<i>12.761.764</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	13.067.379	12.761.764
- Bảng VND	12.302.604	12.056.604
- Bảng ngoại tệ	764.775	705.160
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>1.591.069</i>	<i>644.119</i>
Bảng VND	1.590.062	643.042
<i>Trong đó: Vay chiết khấu, tái chiết khấu</i>	<i>1.360.562</i>	<i>616.042</i>
Bảng ngoại tệ	1.007	1.077
	14.658.448	13.405.883

17 . Tiền gửi của khách hàng

Thuyết minh theo loại tiền gửi:

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.352.820	751.244
- Bảng VND	1.330.442	734.377
- Bảng ngoại tệ	22.378	16.867
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	74.741.607	71.752.183
- Bảng VND	74.656.423	71.621.683
- Bảng ngoại tệ	85.184	130.500
Tiền gửi vốn chuyên dùng	3.481	5
Tiền gửi ký quỹ	65.363	30.990
- Bảng VND	65.349	30.976
- Bảng ngoại tệ	14	14
	76.163.271	72.534.422

18 . Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Bảng VND	5.587	12.467
	5.587	12.467

19 . Phát hành giấy tờ có giá thông thường

Tại ngày 31/12/2019

Kỳ hạn	Mệnh giá Triệu VND	Chiết khấu Triệu VND	Phụ trội Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Từ 12 tháng đến 05 năm	5.184.254	-	-	5.184.254
Từ 05 năm trở lên	950.000	-	-	950.000
	6.134.254	-	-	6.134.254

Tại ngày 31/12/2018

Kỳ hạn	Mệnh giá Triệu VND	Chiết khấu Triệu VND	Phụ trội Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Từ 12 tháng đến 05 năm	383.848	-	-	383.848
Từ 05 năm trở lên	950.000	-	-	950.000
	1.333.848	-	-	1.333.848

20 . Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	196.733	143.499
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	79.839	60.748
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.992	8.788
Các khoản phải trả bên ngoài	20.594	15.921
- Các khoản phải trả về XD/CB, mua sắm TSCĐ	1.034	754
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	213	217
- Chuyển tiền phải trả	15	5.090
- Giá trị giao dịch kỳ hạn tiền tệ	11.991	-
- Các khoản chờ thanh toán khác	7.341	9.860
	304.158	228.956

21. . Vốn chủ sở hữu

21.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Chi tiêu	Vốn góp/Vốn điều lệ	Thặng dư vốn có phần có phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	5.500.000	7.398	564	269.758	129.693	1.175.043	7.082.456
Tăng trong năm	1.000.000	-	-	67.713	33.856	749.456	1.851.025
Tăng vốn trong năm (i)	1.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	749.456	749.456
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (ii)	-	-	-	67.713	33.856	-	101.569
Giảm trong năm	-	-	-	-	(15.075)	(1.103.422)	(1.118.497)
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (ii)	-	-	-	-	(15.075)	-	(15.075)
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(118.497)	(118.497)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(984.925)	(984.925)
Số dư cuối năm	6.500.000	7.398	564	337.471	148.474	821.078	7.814.985

21. . Vốn chủ sở hữu

21.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

(i): Trong năm 2019, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 5.500 tỷ đồng lên 6.500 tỷ đồng theo Nghị Quyết số 02/2019/NQ/HĐCĐ-BACABANK ngày 22/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018, năm 2017 và thưởng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 18,1818% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017, năm 2018 và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

(ii): Ngân hàng thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 04/NQ/ĐHCD-BACABANK ngày 24/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2018		677.210
Trích các Quỹ	16,00	108.341
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00	33.856
- Quỹ dự phòng tài chính	10,00	67.713
- Quỹ phúc lợi	0,50	3.386
- Quỹ khen thưởng	0,50	3.386
Thù lao HĐQT và BKS	1,50	10.157
Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (8,8% vốn điều lệ) (*)	81,22	550.000
Lợi nhuận để lại		8.712

21.2 . Thu nhập trên một cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	749.456	677.210
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	749.456	677.210
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	749.456	677.210
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (i)	605.542.841	592.121.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.238	1.144

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ/ĐHCĐ-BACABANK ngày 24/04/2018, Ngân hàng quyết định trả cổ tức năm 2017 và phân phối lợi nhuận để lại lũy kế đến hết ngày 31/12/2017 bằng cổ phiếu số lượng là 44.045.300 cổ phần (tương ứng 8,8% vốn điều lệ). Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của sự kiện nêu trên đối với số liệu so sánh năm trước theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Ngân hàng chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm.

21.3 . Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	31/12/2019			31/12/2018		
	Tổng số	Vốn CP	Vốn CP	Tổng số	Vốn CP	Vốn CP
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn góp của cổ đông	6.500.000	6.500.000	-	5.500.000	5.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	7.398	7.398	-	7.398	7.398	-
	6.507.398	6.507.398	-	5.507.398	5.007.398	-

21.4 . Cổ phiếu

	31/12/2019	31/12/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	650.000.000	550.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	650.000.000	550.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>650.000.000</i>	<i>550.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	650.000.000	550.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>650.000.000</i>	<i>550.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

22 . Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	273.075	250.009
Thu nhập lãi cho vay	7.407.561	5.949.514
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	1.212.778	1.191.120
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	7.952	10.141
Thu khác từ hoạt động tín dụng	34.768	187.241
	8.936.134	7.588.025

23 . Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	6.670.185	5.613.563
Trả lãi tiền vay	513	1.829
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	263.890	86.735
Chi phí hoạt động tín dụng khác	34.991	187.226
	6.969.579	5.889.353

24 . Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Thu phí dịch vụ	107.180	92.810
- Dịch vụ thanh toán	22.779	24.165
- Dịch vụ ngân quỹ	819	531
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	473	1.615
- Dịch vụ tư vấn	50.440	59.662
- Dịch vụ khác	32.669	6.837
Chi phí dịch vụ liên quan	(34.455)	(19.806)
- Dịch vụ thanh toán	(9.310)	(7.458)
- Dịch vụ ngân quỹ	(2.822)	(2.722)
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	(9.526)	(2.395)
- Dịch vụ tư vấn	(12.081)	(6.573)
- Dịch vụ khác	(716)	(658)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	72.725	73.004

25 . Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	88.127	137.237
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	88.127	137.237
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(57.472)	(120.551)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(57.472)	(120.551)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30.655	16.686

26 . Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	4.749
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	-	4.749

27 . Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	59.066	123.614
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(25.967)	(43.413)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(7.125)	-
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	25.974	80.201

28 . Lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	88.879	103.930
- Tiền thu các khoản nợ đã xử lý	66.212	-
- Thu nhập khác	22.667	103.930
Chi phí liên quan đến hoạt động khác	(7.699)	(5.857)
- Chi phí liên quan đến nghiệp vụ mua bán nợ	(195)	-
- Chi phí khác	(7.504)	(5.857)
Lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	81.180	98.073

29 . Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	15.297	25.350
- Từ chứng khoán Vốn kinh doanh	13.121	22.654
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	2.176	2.696
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	15.297	25.350

30 . Chi phí hoạt động

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	4.901	3.988
Chi phí cho nhân viên	631.317	496.096
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	504.092	409.073
- Các khoản chi đóng góp theo lương	55.152	43.433
- Chi trợ cấp	2.531	1.589
- Chi khác cho nhân viên	69.542	42.001
Chi về tài sản	163.603	141.370
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	31.777	29.542
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	195.059	165.148
Trong đó:		
- Công tác phí	14.227	10.981
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	2.312	1.451
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	109.274	94.258
Chi phí dự phòng	(562)	(21.003)
Chi phí hoạt động	1.103.592	879.857

31 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

31.1 . Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 Triệu VND	Năm 2018 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	182.797	162.945
- Công ty TNHH Một thành viên Kiều hời Bắc Á	922	921
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	183.719	163.866
- Thuế TNDN phải nộp đầu năm	51.855	5.887
- Thuế TNDN đã nộp trong năm	(179.585)	(117.898)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	55.989	51.855

31.2 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019 Triệu VND	Năm 2018 Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	718	1.390
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	718	1.390

32 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	568.407	460.335
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	495.075	512.340
Tiền gửi tại các TCTD khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng)	12.062.775	10.449.234
Cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	-	377.000
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	-	900.445
	13.126.257	12.699.354

33 . Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2019	Năm 2018
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên	2.195	2.042
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	504.092	409.073
2. Thu nhập khác	22.448	19.038
3. Tổng thu nhập (1+2)	526.540	428.111
4. Tiền lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	19,14	16,69
5. Thu nhập bình quân hàng tháng (triệu VND/người/tháng)	19,99	17,47

34 . Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm Triệu VND	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu VND
		Số phải nộp	Số đã nộp	
		Triệu VND	Triệu VND	
1. Thuế GTGT	499	17.077	14.346	3.230
2. Thuế TNDN	51.855	183.719	179.585	55.989
3. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.394	72.885	60.659	20.620
	60.748	273.681	254.590	79.839

35 . Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/người nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/ người xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, nếu Ngân hàng có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng vào ngày cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	38.160	25.228
Bảo lãnh khác	385.862	282.821
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	116.413	45.217
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	44.018	41.847
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	49.502	54.035
- Cam kết bảo lãnh khác	175.929	141.722
Cam kết giao dịch hối đoái	20.342.469	9.796.802
- Cam kết mua ngoại tệ	1.663.950	1.387.200
- Cam kết bán ngoại tệ	3.063.897	642.014
- Cam kết giao dịch hoán đổi	15.614.622	7.767.588
Cam kết cho vay không hủy ngang	29.745	-
	20.796.236	10.104.851

36 . Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Ngân hàng thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi trả cho tiền gửi của		
- Thành viên Hội đồng quản trị		114
- Thành viên Ban Tổng giám đốc		365
- Thành viên Ban Kiểm soát		29
	Năm 2019	Năm 2018
	Triệu VND	Triệu VND
Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị	765	1.020
Thù lao trả cho Ban Kiểm soát	165	180

Tại thời điểm cuối năm, số dư của Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

	31/12/2019
	Triệu VND
Tiền gửi của khách hàng	
- Thành viên Hội đồng quản trị	41.167
- Thành viên Ban Tổng giám đốc	42.702
- Thành viên Ban Kiểm soát	201

37 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

38 . Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Khu vực	Cho vay khách hàng và cho vay TCTD khác	Tiền gửi và tiền vay từ khách hàng và các TCTD khác	Các cam kết tín dụng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	73.391.092	90.821.719	453.767	27.641	18.246.084
	73.391.092	90.821.719	453.767	27.641	18.246.084

39 . Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Mục tiêu của Ngân hàng là đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh, thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các tổ chức tín dụng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao nhằm giúp cơ cấu Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng cảm nang tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống quản lý vốn tập trung và Hệ thống thanh toán tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

39.1 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Ngân hàng. Ngân hàng có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Ngân hàng có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

39.2 . Rủi ro thị trường

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời gian còn lại tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản Có khác, trừ ủy thác đầu tư) được xếp loại khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không chịu lãi. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31/12/2019 như sau:

Chi tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng		
			Dưới 01 tháng		Từ 01 đến 03 tháng		Từ trên 03 đến 12 tháng			Từ trên 05 đến 05 năm	
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN											
I	-	568.407	-	-	-	-	-	-	568.407		
II	-	-	495.075	-	-	-	-	-	495.075		
III	-	-	5.062.774	6.000.000	1.000.000	-	457.781	-	12.520.555		
IV	-	-	136.500	-	-	-	3.000.000	-	3.136.500		
V	-	-	27.641	-	-	-	-	-	27.641		
VI	546.206	-	4.393.660	3.765.995	10.670.319	12.007.110	13.876.856	27.673.166	72.933.312		
VII	-	473.078	-	-	-	-	10.086.869	4.549.637	15.109.584		
VIII	-	270.660	-	-	-	-	-	-	270.660		
IX	-	678.822	-	-	-	-	-	-	678.822		
X	-	3.185.678	-	-	-	-	-	-	3.185.678		
Tổng tài sản	546.206	5.176.645	10.115.650	9.765.995	11.670.319	12.007.110	27.421.506	32.222.803	108.926.234		

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31/12/2019 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng		
			Dưới 01 tháng		Từ 01 đến 03 tháng		Từ trên 06 đến 12 tháng			Từ trên 01 đến 05 năm	
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		Triệu VND	Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ											
I	Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	5.267.379	7.529.500	500.000	-	1.151.654	405.962	14.854.495	
II	Tiền gửi của khách hàng	-	43.819	4.526.944	2.187.991	10.943.550	11.411.331	20.193.018	26.856.618	76.163.271	
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	5.587	-	5.587	
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	199.837	5.434.417	500.000	6.134.254	
VI	Các khoản nợ khác	-	2.917.177	-	-	-	-	-	-	2.917.177	
	Tổng nợ phải trả	-	2.960.996	9.794.323	9.717.491	11.443.550	11.611.168	26.784.676	27.762.580	100.074.784	
	Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	546.206	2.215.649	321.327	48.504	226.769	395.942	636.830	4.460.223	8.851.450	

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

b. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo bảng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31/12/2019 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại hối khác được quy đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN				
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.185	71.744	-	73.929
II. Tiền gửi tại NHNN	-	29.122	-	29.122
III. Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	2.457	1.064.920	80.029	1.147.406
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	1.762.607	-	1.762.607
VI. Cho vay khách hàng (*)	-	142.973	-	142.973
X. Tài sản có khác	-	4.090	1	4.091
Tổng tài sản	4.642	3.075.456	80.030	3.160.128
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I. Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	765.782	-	765.782
II. Tiền gửi của khách hàng	2.122	109.168	8	111.298
III. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	315.200	315.200
VI. Các khoản nợ khác	505.208	614	15	505.837
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	507.330	875.564	315.223	1.698.117
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(502.688)	2.199.892	(235.193)	1.462.011
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	(502.688)	2.199.892	(235.193)	1.462.011

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Tỷ giá quy đổi

EUR	25.260
USD	23.175
GBP	30.240
CHF	23.770
JPY	212
SGD	17.000
AUD	15.760

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tình thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ đáo hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính toán dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến một (01) tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên một (01) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định và bất động sản đầu tư được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời đến hạn của các tài sản có và các khoản nợ khác được tính từ ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng.

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31/12/2019 như sau:

Chi tiêu	Quá hạn		Trong hạn		Tổng	
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 12 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN						
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	568.407	-	-	568.407
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	495.075	-	-	495.075
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	7.412.774	4.650.000	-	12.520.555
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	136.500	200.000	1.500.000	3.136.500
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	27.641	-	-	27.641
VI Cho vay khách hàng (*)	218.482	327.724	7.845.823	9.728.820	13.262.441	72.933.312
VII Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	2.299.200	15.109.584
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	270.660
IX Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	142.529
X Tài sản có khác (*)	-	-	317.511	1.274.741	1.593.426	3.185.678
Tổng tài sản	218.482	327.724	16.803.731	15.853.561	18.655.067	108.926.234

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31/12/2019 như sau:

Chi tiêu	Quá hạn		Trong hạn			Tổng Triệu VND
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
NỢ PHẢI TRẢ						
I Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	7.696.879	5.600.000	1.242.360	314.649
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	6.821.530	9.896.820	31.252.971	13.729.597
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	5.587	-
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	5.434.417	500.000
VI Các khoản nợ khác	-	-	416.481	242.110	1.700.825	300.915
Tổng nợ phải trả	-	-	14.934.890	15.738.930	39.636.160	14.845.161
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	218.482	327.724	1.868.841	114.631	1.095.264	1.491.084

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ			Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần			Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND
I. Doanh thu	8.928.182	7.577.884	74.363	148.964	344.118	292.138	344.118	-	-	-	9.294.683	8.070.966
1. Doanh thu lãi	8.928.182	7.577.884	-	-	10.141	7.952	10.141	-	-	-	8.936.134	7.588.025
2. Doanh thu từ hoạt động đầu tư	-	-	74.363	148.964	-	-	-	-	-	-	74.363	148.964
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	-	-	-	-	333.977	284.186	333.977	-	-	-	284.186	333.977
II. Chi phí	6.969.579	5.889.353	25.967	43.413	146.214	99.626	146.214	1.103.592	879.857	879.857	8.198.764	6.958.837
1. Chi phí lãi	6.969.579	5.889.353	-	-	-	-	-	-	-	-	6.969.579	5.889.353
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	-	31.777	29.542	29.542	31.777	29.542
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	-	-	25.967	43.413	146.214	99.626	146.214	1.071.815	850.315	850.315	1.197.408	1.039.942
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng	1.958.603	1.688.531	48.396	105.551	197.904	192.512	197.904	(1.103.592)	(879.857)	(879.857)	1.095.919	1.112.129
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro	154.901	274.412	7.125	(4.749)	-	-	-	-	-	-	162.026	269.663
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.803.702	1.414.119	41.271	110.300	197.904	192.512	197.904	(1.103.592)	(879.857)	(879.857)	933.893	842.466

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
III. Tài sản (*)	105.071.237	94.544.881	407.160	432.823	65.424	138.875	3.382.413	2.831.756	108.926.234	97.948.335
1. Tiền mặt	-	-	-	-	-	-	568.407	460.335	568.407	460.335
2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	-	-	495.075	512.340	495.075	512.340
3. Tiền gửi và cho vay các TCID khác (*)	11.070.527	9.766.116	-	-	-	-	1.450.028	1.060.118	12.520.555	10.826.234
4. Chứng khoán kinh doanh	3.000.000	1.970.000	136.500	129.151	-	-	-	-	3.136.500	2.099.151
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-	27.641	82.891	-	-	27.641	82.891
6. Cho vay khách hàng (*)	72.933.312	63.979.415	-	-	-	-	-	-	72.933.312	63.979.415
7. Chứng khoán đầu tư (*)	15.109.584	15.985.985	-	-	-	-	-	-	15.109.584	15.985.985
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	270.660	303.672	-	-	-	-	270.660	303.672
9. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	7.802	7.802	671.020	654.756	678.822	662.558
10. Tài sản Có khác (*)	2.957.814	2.843.365	-	-	29.981	48.182	197.883	144.207	3.185.678	3.035.754

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ			Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần			Khác			Hoạt động chung không phân bổ			Tổng cộng		
	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND	Năm trước/ Đầu năm Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm Triệu VND
IV. Nợ phải trả	99.770.626	89.717.649	-	-	-	-	-	-	-	-	-	304.158	228.956	100.074.784	89.946.605
1. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	196.047	112.491	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	196.047	112.491
2. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14.658.448	13.405.883	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.658.448	13.405.883
3. Tiền gửi của khách hàng	76.163.271	72.534.422	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	76.163.271	72.534.422
5. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	5.587	12.467	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.587	12.467
6. Phát hành giấy tờ có giá	6.134.254	1.333.848	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.134.254	1.333.848
7. Các khoản nợ khác	2.613.019	2.318.538	-	-	-	-	-	-	-	-	-	304.158	228.956	2.917.177	2.547.494

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

40.2 . Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Thu nhập và chi phí phát sinh cho năm 2019 cũng như tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019 của Ngân hàng phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

41 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

<p>Người lập biểu</p>  <p>Hoàng Thị Bích Thảo</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Nguyễn Hồng Yến</p>	<p><i>Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2020</i></p> <p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Thái Hương</p>
--	--	--

Trên đây là toàn văn Báo cáo Thường niên năm 2019 của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

TP.Vinh, ngày 10 tháng 04 năm 2020

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

TỔNG GIÁM ĐỐC



Thái Hương



Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 117, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-238) 3844 277 | **Fax:** (84-238) 384 1757

Tổng đài CSKH: 1800 588 828 | **Website:** www.baca-bank.vn